

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Trình độ đào tạo: **ĐH**

Ngành:

Mã số:

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

1.1. Tên học phần: Triết học Mác – Lênin	1.2. Tên tiếng Anh: Marxist - Leninist Philosophy
1.3. Mã học phần: MLTHML.124	1.4. Số tín chỉ: 03
1.5. Phân bố thời gian:	
- Lý thuyết:	35 tiết
- Bài tập	10 tiết
- Thực hành/ Thực tập:	0/0 tiết
- Tự học:	90 tiết
1.6. Các giảng viên phụ trách học phần:	
- Giảng viên phụ trách chính:	ThS. Trần Hương Giang
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	ThS. Lương Thị Lan Huệ ThS. Nguyễn Thị Như Nguyệt
1.7. Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Không có
- Học phần học trước:	
- Học phần song hành:	

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu chung

Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản, cốt lõi nhất về Triết học Mác – Lênin, trọng tâm là các nguyên lý, quy luật, phạm trù của triết học Mác – Lênin và vai trò của triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội. Từ đó, góp phần hình thành niềm tin về lý tưởng cách mạng cộng sản, có năng lực thích ứng, phương pháp biện chứng khi phân tích, đánh giá các vấn đề thực tiễn cuộc sống.

2.2. Mục tiêu cụ thể

2.2.1. Về kiến thức

Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản, cập nhật về triết học Mác – Lênin, trọng tâm là khái luận triết học Mác – Lênin và vai trò của triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội, chủ nghĩa duy vật biện chứng, chủ nghĩa duy vật lịch sử; giúp sinh viên hình thành thế giới quan, phương pháp luận khoa học, xây dựng niềm tin và lý tưởng cách mạng, rèn luyện bản lĩnh chính trị vững vàng nhằm đáp ứng nhu cầu của con người Việt Nam trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.

2.2.2. Về kỹ năng

Thông qua học tập, nghiên cứu chương trình, sinh viên có kỹ năng vận dụng phương pháp biện chứng, phương pháp lịch sử cụ thể vào việc phân tích đánh giá những vấn đề thực tiễn về chính trị, xã hội của đất nước và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

2.2.3. Về thái độ

Học phần nhằm giáo dục cho sinh viên ý thức, thái độ chính trị, tư tưởng đúng đắn về học phần Triết học Mác - Lênin nói riêng và nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam nói chung; Có ý thức bảo vệ chủ nghĩa Mác – Lênin; Tham gia tích cực các hoạt động cộng đồng và thực thi trách nhiệm xã hội; Nêu cao trách nhiệm bản thân trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội trên thế giới và ở Việt Nam.

3. Chuẩn đầu ra (CLO)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra của HP

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO
CLO1	Sinh viên hiểu được nội dung các nguyên lý, quy luật, phạm trù của triết học Mác – Lênin. Vai trò của triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội;
CLO2	Phân tích, đánh giá được các vấn đề lý luận và thực tiễn chính trị - xã hội ở Việt Nam hiện nay. Đồng thời áp dụng kiến thức liên ngành, công nghệ thông tin, ngoại ngữ để lý giải, đánh giá, được các hiện tượng thực tiễn phát sinh trong TKQĐ lên CNXH ở Việt Nam hiện nay.
CLO3	Sinh viên có kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm và tổ chức các hoạt động nhóm. Có kỹ năng thuyết trình các sản phẩm, bài tập trong học tập. Giao tiếp, sử dụng ngoại ngữ và ứng dụng công nghệ thông tin vào nghiên cứu môn học và công tác sau này. Có kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, kỹ năng lắng nghe, chọn lọc thông tin và xử lý thông tin.
CLO4	Sinh viên có kỹ năng vận dụng kiến thức triết học để nhận diện, phân tích, đánh giá, trình bày được những vấn đề thực tiễn một cách khách quan, có cơ sở khoa học. Có kỹ năng tuyên truyền đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.
CLO5	Sinh viên có thái độ chính trị, tư tưởng đúng đắn về môn học Triết học Mác - Lênin nói riêng và nền tảng tư tưởng của Đảng nói chung. Chấp hành đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Có ý thức tự rèn luyện, nâng cao tính kỷ luật, kỷ cương.
CLO6	Có ý thức bảo vệ những quan điểm khoa học và biết phê phán những quan điểm sai trái. Tham gia tích cực các hoạt động cộng đồng và thực thi trách nhiệm xã hội. Nêu cao trách nhiệm bản thân trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội trên thế giới và ở Việt Nam.

4. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO để đạt được PLO được xác định cụ thể qua bảng sau:

Bảng 2.Mối liên hệ giữa CLOvà PLO

[illegible]

Ghi chú: I: mức giới thiệu/bắt đầu; R: mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...; M: mức thuần thục/thông hiểu; A: hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO, cần được thu thập minh chứng để đánh giá CDR CTĐT.

5. Đánh giá

a. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 3. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV

Thành phần đánh giá	Trọng số	Bài đánh giá	Trọng số con	Rubric (đánh dấu X nếu có)	Lquan đến CDR nào ở bảng 4.1	Hướng dẫn phương pháp đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1. Chuyên cần, thái độ (CCTĐ)	5%	- Đánh giá theo tiêu chí sau: + Tham gia đầy đủ, tích cực chuẩn bị bài + Tham gia các hoạt động trong giờ học + Hoàn thành bài tập theo yêu cầu của giảng viên		X	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	Điểm danh Quan sát, theo dõi
A2. Kiểm tra thường xuyên (KTTX)	35%	A2.1. Tuần 5: Chương 2: Chủ nghĩa duy vật biện chứng Mục 2.1.3: Mối quan hệ giữa vật chất và ý thức	30%	X	CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO 4 CLO 5 CLO 6	- Bài kiểm tra viết (cá nhân) - Bài tập
		A2.2. Tuần 10: Chương 3: Chủ nghĩa duy vật lịch sử Mục 3.1.2: Biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất	30%	X	CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO 4 CLO 5 CLO 6	
		A2.3. Tuần 14: Chương 3: Chủ nghĩa duy vật lịch sử Mục 3.5: Triết học về con người	40%	X	CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO 4 CLO 5 CLO 6	
A3. Đánh giá cuối kỳ	60%	- Thi cuối kỳ: Chương 1: Khái luận về triết học và triết học Mác – Lênin. Chương 2: Chủ nghĩa duy vật biện chứng Chương 3: Chủ nghĩa duy vật lịch sử			CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO 4 CLO 5 CLO 6	- Thi tự luận - Thi vấn đáp - Tiểu luận - Trắc nghiệm

b. Yêu cầu đối với học phần

Sinh viên phải tham dự $\geq 80\%$ số buổi của HP. Nếu nghỉ $> 20\%$ số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP.

6. Kế hoạch và nội dung giảng dạy

Bảng 4. Kế hoạch và nội dung giảng dạy theo tuần

Tuần / Buổi (3 tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)	Số tiết (LT/BT)	CDR của bài học (chương)/ chủ đề	Lquan đến CDR nào ở bảng 4.1	PP giảng dạy, tài liệu và cơ sở vật chất, thiết bị cần thiết để đạt CDR	Hoạt động học của SV(*)	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 5.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Chương 1: Khái luận về triết học và triết học Mác - Lênin 1.1. Triết học và vấn đề cơ bản của triết học 1.1.1. Khái lược về triết 1.1.2. Vấn đề cơ bản của triết học 1.1.3. Biện chứng và siêu hình	3LT	- Giải thích được khái niệm triết học và nội dung vấn đề cơ bản của triết học; - Phân biệt được các trường phái triết học khác nhau trong lịch sử. - So sánh được phương pháp biện chứng và phương pháp siêu hình trong triết học.	CLO1	- PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề... - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước Chương 1 (tài liệu [1], tr47). - Phần chuẩn bị trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia xây dựng bài, trao đổi.	
2	- Chương 1: (tiếp theo) 1.2. Triết học Mác – Lênin và vai trò của triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội 1.2.1. Sự ra đời và phát triển của triết học Mác – Lênin	3LT	- Giải thích được khái niệm và vai trò của triết học Mác – Lênin. Nhớ được các giai đoạn phát triển của triết học Mác – Lênin. - Phân tích, lập luận, thuyết trình, lựa chọn thông tin và xử lý thông tin.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	- PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề, BTN,... - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn	- Phần CB ở nhà: Đọc trước Chương 1, TL [1], tr48-95; CB sẵn BT. - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi; thuyết trình, phản biện.	
3	- Chương 1: (tiếp theo) Bài tập: Phân tích thực chất và ý nghĩa cuộc cách mạng trong triết học do	2LT 1BT	- Phân tích, lập luận, thuyết trình, lựa chọn thông tin và xử lý thông tin. Giải thích được đối tượng, chức năng của triết học	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	- PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề,	- Phần CB ở nhà: Đọc trước Chương 1, TL [1], tr95-115; chuẩn bị bài	

	Mác-Ăngghen thực hiện. 1.2.2. Đối tượng và chức năng của triết học Mác - Lênin 1.2.3. Vai trò của triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội và sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay		Mác – Lênin. - Giải thích được vai trò của triết học Mác – Lênin và vận dụng sáng tạo vào sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay.		BTN,... - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn	tập. - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi; thuyết trình, trao đổi, phản biện.	
4	- Chương 1: (tiếp theo) Bài tập: Phân tích làm rõ vai trò của triết học Mác – Lênin đối với công cuộc xây dựng CNXH ở Việt Nam hiện nay. - Chương 2: Chủ nghĩa duy vật biện chứng 2.1. Vật chất và ý thức 2.1.1. Vật chất và phương thức tồn tại của vật chất 2.1.2. Nguồn gốc, bản chất và kết cấu của ý thức 2.1.3. Mối quan hệ giữa vật chất và ý thức	2LT 1BT	- Phân tích, lập luận, thuyết trình, vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác – Lênin trong công cuộc xây dựng CNXH ở Việt Nam hiện nay. - Trình bày được định nghĩa về vật chất của Lenin. - Giải thích được nội dung cơ bản của định nghĩa vật chất của Lenin. - Giải thích được các hình thức tồn tại của vật chất. - Giải thích được nguồn gốc, bản chất và kết cấu của ý thức. Phân tích được mối quan hệ giữa VC và YT.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	- PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề, BTN,... - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính, projector để hướng dẫn	- Phần CB ở nhà: Đọc trước Chương 2, TL [1], tr117-182. Chuẩn bị bài tập. - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi.	
5	- Chương 2: (tiếp theo) Bài tập: Phân tích làm rõ khẳng định sau của CNDVBC: muốn hiểu đúng bản chất của ý thức cần xem xét nó trong mối quan hệ qua lại	2LT 1BT	- Phân tích, lập luận, thuyết trình, lựa chọn thông tin và xử lý thông tin. - Phân biệt được hai loại hình biện chứng. - Giải thích được khái niệm và nội dung của PBCDV. Nhớ và	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	- PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề, BTN,... - GV sử dụng tài liệu [1],	- Phần CB ở nhà: Đọc trước Chương 2, TL [1], tr 182-234; chuẩn bị bài tập. - Phần CB trên lớp: nghe giảng,	A2.1

	với vật chất, mà chủ yếu là đời sống hiện thực có tính thực tiễn của con người 2.2. Phép biện chứng duy vật 2.2.1. Hai loại hình biện chứng và phép biện chứng duy vật 2.2.2. Nội dung của phép biện chứng duy vật		trình bày được 2 nguyên lý, 3 quy luật và 6 cặp phạm trù, biết lấy ví dụ và vận dụng vào thực tiễn cuộc sống.		máy tính và projector để hướng dẫn	ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi; thuyết trình, báo cáo, phản biện.	
6	- Chương 2: (tiếp theo) 2.2.2. Nội dung của phép biện chứng duy vật	3LT	- Giải thích được nội dung của PBCDV. Nhớ và trình bày được 2 nguyên lý, 3 quy luật và 6 cặp phạm trù, biết lấy ví dụ và vận dụng vào thực tiễn cuộc sống.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	- PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề, BTN,... - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn	- Phần CB ở nhà: Đọc trước Chương 2, TL [1], tr234-257; - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi; thuyết trình, báo cáo, phản biện.	
7	- Chương 2: (tiếp theo) 2.2.2. Nội dung của phép biện chứng duy vật Bài tập: Trình bày làm rõ nội dung cặp phạm trù bản chất – hiện tượng, tất nhiên – ngẫu nhiên, khả năng – hiện thực. Và làm rõ nội dung quy luật phủ định của phủ định.	2LT 1BT	- Phân tích, lập luận, thuyết trình, vận dụng sáng tạo ý nghĩa phương pháp luận vào quá trình học tập và thực tiễn cuộc sống.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	- PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề, BTN,... - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính, projector để hướng dẫn	- Phần CB ở nhà: Khai thác TL, chuẩn bị sẵn BT. - Phần CB trên lớp: thuyết trình, trao đổi, phản biện.	
8	- Chương 2: (tiếp theo) 2.3. Lý luận nhận thức	3LT	- Giải thích được khái niệm lý luận nhận thức; quan điểm của	CLO1	- PP thuyết trình, nêu vấn đề,	- Phần CB ở nhà: Đọc trước Chương	

	2.3.1. Quan niệm về nhận thức trong lịch sử triết học 2.3.2. Lý luận nhận thức duy vật biện chứng		chủ nghĩa duy tâm, chủ nghĩa hoài nghi, thuyết không thể biết, chủ nghĩa duy vật trước Mác về nhận thức. - Giải thích được các nguyên tắc xây dựng lý luận nhận thức của CNDVBC. - Giải thích được nguồn gốc, bản chất của nhận thức. - Giải thích được khái niệm thực tiễn và phân tích được vai trò của thực tiễn đối với nhận thức. - Trình bày được các giai đoạn của quá trình nhận thức. - Giải thích được tính chất của chân lý.	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	giải quyết vấn đề, BTN,... - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn	2, TL [1], tr257-283; chuẩn bị bài tập. - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi	
9	- Chương 2: (tiếp theo) 2.3.2. Lý luận nhận thức duy vật biện chứng Bài tập: Phân tích làm rõ con đường biện chứng của quá trình nhận thức chân lý. - Chương 3: Chủ nghĩa duy vật lịch sử 3.1. Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội 3.1.1. Sản xuất vật chất là cơ sở của sự tồn tại và phát triển xã hội 3.1.2. Biện	2LT 1BT	- Phân tích, lập luận, thuyết trình, lựa chọn thông tin và xử lý thông tin. - Vận dụng sáng tạo vào quá trình học tập của bản thân. - Giải thích được khái niệm và vai trò của sản xuất vật chất. - Giải thích được khái niệm PTSX, LLSX, QHSX, trình bày được quy luật QHSX phù hợp với trình độ phát triển của LLSX.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	- PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề, BTN,... - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn	- Phần CB ở nhà: Đọc trước Chương 3, TL [1], tr284-305; chuẩn bị bài tập. - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi; thuyết trình, báo cáo, phản biện.	

	chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất						
10	Chương 3: (tiếp theo) 3.1.3. Biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng của xã hội 3.1.4. Sự phát triển các hình thái kinh tế - xã hội là một quá trình lịch sử - tự nhiên Bài tập: Vận dụng học thuyết hình thái KT – XH vào sự nghiệp xây dựng CNXH ở nước ta.	2LT 1BT	- Giải thích được khái niệm CSHT, KTTT. Phân tích được mối quan hệ biện chứng giữa CSHT và KTTT. - Giải thích được khái niệm hình HT KT – XH. Hiểu được sự phát triển các HT KT – XH là một quá trình lịch sử - tự nhiên. - Giải thích được bản chất của việc lựa chọn con đường tiến lên CNXH bỏ qua chế độ TBCN ở VN.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	- PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề, BTN,... - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn	- Phần CB ở nhà: Đọc trước Chương 3, TL [1], tr305-329; chuẩn bị bài tập. - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi; thuyết trình, báo cáo, phản biện.	A2.2
11	Chương 3: (tiếp theo) 3.2. Giai cấp và dân tộc 3.2.1. Giai cấp và đấu tranh giai cấp 3.2.2. Dân tộc 3.2.3. Mối quan hệ giai cấp – dân tộc – nhân loại 3.3. Nhà nước và cách mạng xã hội 3.3.1. Nhà nước 3.3.2. Cách mạng xã hội	3LT	- Giải thích được khái niệm, đặc trưng, nguồn gốc của giai cấp. - Giải thích được khái niệm và vai trò của đấu tranh giai cấp trong sự phát triển của xã hội có giai cấp. - Giải thích được khái niệm dân tộc. Nhớ được các hình thức cộng đồng người trong lịch sử. Phân tích được mối quan hệ giai cấp – dân tộc – nhân loại. - Giải thích được khái niệm, nguồn gốc, bản chất, đặc trưng, chức năng của nhà nước. Nhớ được các kiểu và hình thức nhà nước trong	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	- PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề, BTN,... - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn	- Phần CB ở nhà: Đọc trước Chương 3, TL [1], tr329-419; - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi; thuyết trình, báo cáo, phản biện.	

			lịch sử. - Giải thích được khái niệm, nguồn gốc, bản chất của CMXH. Phân tích được vấn đề CMXH trên thế giới hiện nay.				
12	Chương 3: (tiếp theo) 3.3.2. Cách mạng xã hội Bài tập: Làm rõ đặc điểm đấu tranh giai cấp trong TKQĐ lên CNXH ở VN hiện nay. Liên hệ trách nhiệm bản thân trong việc góp phần xây dựng một xã hội dân chủ, công bằng, văn minh.	1LT 2BT	- Vận dụng, sáng tạo, hiệu quả trách nhiệm của SV trong việc góp phần xây dựng một xã hội dân chủ, công bằng, văn minh hiện nay.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	- PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề, BTN,... - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính, projector để hướng dẫn	- Phần CB ở nhà: Khai thác TL, chuẩn bị sẵn BT. - Phần CB trên lớp: thuyết trình, trao đổi, phản biện.	
13	Chương 3: (tiếp theo) 3.4. Ý thức xã hội 3.4.1. Khái niệm tồn tại xã hội và các yếu tố cơ bản của tồn tại xã hội 3.4.2. Khái niệm, kết cấu, tính giai cấp, các hình thái của ý thức xã hội 3.4.3. Quan hệ biện chứng giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội, tính độc lập tương đối của ý thức xã hội.	3LT	- Giải thích được khái niệm, các yếu tố cơ bản của TTXH. Hiểu được khái niệm, kết cấu, tính giai cấp, các hình thái YTXH. Phân tích được quan hệ biện chứng giữa TTXH và YTXH và tính độc lập tương đối của ý thức xã hội.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	- PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề, BTN,... - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính, projector để hướng dẫn	- Phần CB ở nhà: Đọc trước Chương 3, TL [1], tr419-447. - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi; thuyết trình, báo cáo, phản biện.	
14	Chương 3: (tiếp theo) 3.5. Triết học về con người 3.5.1. Con người	3LT	- Giải thích được khái niệm, bản chất con người. Phân tích được hiện tượng tha	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	- PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải	- Phần CB ở nhà: Đọc trước Chương 3, TL [1],	A2.3

	và bản chất con người 3.5.2. Hiện tượng tha hóa con người và vấn đề giải phóng con người 3.5.3. Quan điểm của triết học Mác – Lênin về quan hệ cá nhân và xã hội, về vai trò của quần chúng nhân dân và lãnh tụ trong lịch sử. 3.5.4. Vấn đề con người trong sự nghiệp cách mạng ở Việt Nam		hóa con người và vấn đề giải phóng con người. - Trình bày được mối quan hệ giữa cá nhân và xã hội, thấy được vai trò của quần chúng nhân dân và lãnh tụ trong lịch sử. Hiểu được vấn đề con người trong sự nghiệp cách mạng ở Việt Nam.	CLO6	quyết vấn đề, BTN,... - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn	tr447-489. - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi;	
15	Chương 3: (tiếp theo) 3.5.4. Vấn đề con người trong sự nghiệp cách mạng ở Việt Nam Bài tập: Trách nhiệm của SV trong nhận thức, thực hiện, tuyên truyền những vấn đề liên quan đến xây dựng và phát triển con người trong sự nghiệp cách mạng ở Việt Nam hiện nay?	1LT 2BT	- Vận dụng, sáng tạo, hiệu quả trách nhiệm của SV trong nhận thức, thực hiện, tuyên truyền những vấn đề liên quan đến xây dựng và phát triển con người trong sự nghiệp cách mạng ở Việt Nam hiện nay?	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	- PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề, BTN. - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính, projector để hướng dẫn	- Phần CB ở nhà: khai thác tài liệu, chuẩn bị bài tập. - Phần CB trên lớp: thuyết trình, báo cáo, phản biện.	
Theo lịch thi	Thi cuối kỳ			CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6			A3

7. Học liệu

Bảng 5. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/ nơi ban hành VB
	Giáo trình chính			

1	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2021	Giáo trình Triết học Mác - Lênin (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên LLCT)	NXB Chính trị quốc gia Sự thật
2	Nguyễn Thị Thanh Hà	2021	TLBG Triết học Mác - Lênin (dành cho bậc đại học, cao đẳng – khối không chuyên LLCT)	Lưu hành nội bộ tại Trường Đại học Quảng Bình
Sách, giáo trình tham khảo				
3	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2001	Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin	NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
4	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2010	Giáo trình Triết học Mác - Lênin	NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
5	Đào Đức Doãn, Trần Đăng Sinh	2006	Triết học – những vấn đề nghiên cứu và giảng dạy	NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội
6	Vương Tất Đạt, Nguyễn Thị Vân Hà	2007	Phương cách trả lời các câu hỏi ôn tập môn Triết học Mác - Lênin	NXB Đại học Kinh tế quốc dân

8. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy

Bảng 6. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN, TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	Giảng đường A hoặc Giảng đường C	Máy tính, projector	1	Chương 1 đến chương 3

9. Rubric đánh giá

Rubric 1: Chuyên cần (Class Attendance)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Chuyên cần	Đi học < 40%	40% ≤ Đi học < 55%	55% ≤ Đi học < 70%	70% ≤ Đi học < 85%	Đi học ≥ 85%	60%
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động gì tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng góp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả.	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả.	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học thường hiệu quả.	Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả.	40%

Rubric 2: Bài tập (Work Assignment)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Nộp bài tập	Không nộp bài tập hoặc hoàn thành < 30% khối lượng công việc được giao	Nộp bài tập hoàn thành < 50% khối lượng công việc được giao. Chưa đúng thời gian quy định.	Nộp bài tập hoàn thành < 70% khối lượng công việc được giao. Một số bài tập nộp chưa đúng thời gian quy định.	Nộp bài tập hoàn thành < 90% khối lượng công việc được giao. Hầu hết bài tập nộp đúng thời gian quy định.	Nộp bài tập đầy đủ ≥ 90% số lượng được giao. Đúng thời gian quy định.	20%
Trình bày	Kém	Còn rất nhiều lỗi	Còn nhiều lỗi	Tương đối tốt	Rất tốt	30%

Quảng Bình, ngày 8 tháng 7 năm 2025

Trưởng khoa

KT. Trưởng bộ môn

P. Trưởng bộ môn phụ trách

Người biên soạn

ThS. Trần Hương Giang

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Trình độ đào tạo: ĐH

Ngành:

Mã số:

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

1.1. Tên học phần: Kinh tế chính trị Mác – Lênin	1.2. Tên tiếng Anh: Marxist-Leninist Political Economy
1.3. Mã học phần: MLKTCT.125	1.4. Số tín chỉ: 02
1.5. Phân bố thời gian:	
- Lý thuyết:	30 tiết
- Thực hành/ Thực tập:	0/0 tiết
- Tự học:	60 tiết
1.6. Các giảng viên phụ trách học phần:	
- Giảng viên phụ trách chính:	ThS. Phan Thị Thu Hà
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	ThS. Nguyễn Thị Hương Liên ThS. Nguyễn Thị Anh Khuyên
1.7. Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Triết học Mác – Lênin
- Học phần học trước:	Không
- Học phần song hành:	Không

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu chung

Kiến thức lý luận sâu của Kinh tế chính trị Mác – Lênin, hình thành kỹ năng phân tích, đánh giá và nhận diện bản chất của các quan hệ lợi ích kinh tế trong phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và xây dựng lập trường, ý thức hệ tư tưởng Mác - Lênin.

2.2. Mục tiêu cụ thể

2.2.1. Về kiến thức

Hệ thống tri thức lý luận cốt lõi của Kinh tế chính trị Mác – Lênin trong bối cảnh phát triển mới của Việt Nam và thế giới ngày nay. Đảm bảo tính hệ thống, khoa học, cập nhật tri thức mới, gắn với thực tiễn, sáng tạo, tư duy, phẩm chất người học, tính liên thông, khắc phục trùng lặp, tăng cường tích hợp nội dung phù hợp với đối tượng sinh viên chuyên lý luận chính trị bậc đại học.

2.2.2. Về kỹ năng

Hình thành tư duy lý luận, kỹ năng phân tích, đánh giá và nhận diện bản chất của các quan hệ lợi ích kinh tế trong phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Từ đó, xây dựng trách nhiệm xã hội phù hợp trong vị trí việc làm và cuộc sống sau khi ra trường.

2.2.3. Về thái độ

Ý thức hệ tư tưởng Mác-Lênin, lập trường vững vàng, góp phần hình thành lý luận nền tảng Chủ nghĩa Mác-Lênin để sau khi tốt nghiệp, sinh viên tham gia tốt các hoạt động nghiên cứu lý luận và quản lý kinh tế - xã hội.

3. Chuẩn đầu ra (CLO)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra của HP

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO
CLO 1	Trình bày được các kiến thức liên quan đến hệ thống tri thức cốt lõi của kinh tế chính trị.
CLO 2	Giải thích được những tri thức mới, tích hợp các nội dung phù hợp với chuyên ngành lý luận bậc đại học.
CLO 3	Vận dụng tư duy quan sát, phân tích, đánh giá các quan hệ lợi ích kinh tế trong phát triển kinh tế - xã hội.
CLO 4	Xây dựng trách nhiệm xã hội phù hợp trong vị trí việc làm sau này.
CLO 5	Giải thích được vai trò kinh tế thị trường và quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam
CLO 6	Kỹ năng tìm, đọc, hiểu và vận dụng các kiến thức cụ thể về kinh tế chính trị vào điều kiện, thực tế phát triển kinh tế hiện nay ở nước ta
CLO 7	Có ý thức hệ tư tưởng vững vàng, có thái độ, lối sống tích cực trong cuộc sống và học tập

4. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO để đạt được PLO được xác định cụ thể qua bảng sau:

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO và PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
CLO 1												
CLO 2												
CLO 3												
CLO 4												
CLO 5												
CLO 6												
Tổng hợp học phần												

Ghi chú: I: mức giới thiệu/bắt đầu; R: mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế, ...; M: mức thuần thục/thông hiểu; A: hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO, cần được thu thập minh chứng để đánh giá CDR CTĐT.

5. Đánh giá

a. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 3. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV

Thành phần đánh giá	Trọng số	Bài đánh giá	Trọng số con	Rubric (đánh dấu X nếu có)	Lquan đến CDR nào ở bảng 4.1	Hướng dẫn phương pháp đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1. Chuyên	5%	- Đánh giá tất cả các bài từ chương 1			Từ CLO1 đến CLO7	Điểm danh,

cần, thái độ (CCTĐ)		đến chương 6 - Đánh giá theo tiêu chí sau: + Tham gia đầy đủ, tích cực chuẩn bị bài + Tham gia các hoạt động trong giờ học + Hoàn thành bài tập theo yêu cầu của giảng viên				quan sát, theo dõi.
A2. Kiểm tra thường xuyên (KTTX)	35%	A2.1. Tuần 8: Chương 3 Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường. Chương 4. Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường	50%		CLO 3 CLO 4	Bài kiểm tra viết (cá nhân) - Bài tập
		A2.2. Tuần 15: Chương 5. Kinh tế thị trường định hướng XHCN và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam. Chương 6 Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.	50%		CLO5 CLO6	
A3. Đánh giá cuối kỳ	60%	Bài thi cuối kỳ: Bao quát toàn bộ nội dung các chương.			Từ CLO1 đến CLO7	- Thi tự luận - Thi vấn đáp - Tiêu luận - Trắc nghiệm

b. Yêu cầu đối với học phần

Sinh viên phải tham dự $\geq 80\%$ số buổi của HP. Nếu nghỉ $> 20\%$ số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP.

6. Kế hoạch và nội dung giảng dạy

Bảng 4. Kế hoạch và nội dung giảng dạy theo tuần

Tuần/ Buổi (2 tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)	Số tiết (LT/TH/TT)	CĐR của bài học (chương)/ chủ đề	Liên quan đến CĐR nào ở bảng 4.1	PP giảng dạy, tài liệu và cơ sở vật chất, thiết bị cần thiết để đạt CĐR	Hoạt động học của SV	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 5.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Chương 1. Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của KTCT Mác - Lênin 1.1 Khái quát sự hình thành và phát triển của KTCT Mác - Lênin	2/0/0	- Hiểu được sự hình thành và phát triển của kinh tế chính trị Mác - Lênin. - Hiểu được đối tượng và	CLO1	- PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu... - GV sử dụng tài liệu [1],	- Phân CB ở nhà: Đọc trước Chương 1, TL [1], tr2-3. - Phân CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép,	

	1.2 Đối tượng và phương pháp nghiên cứu của kinh tế chính trị Mác –Lê nin		phương pháp nghiên cứu của kinh tế chính trị Mác –Lê nin		máy tính và projector để hướng dẫn.	tham gia XD bài, trao đổi.	
2	1.3 Chức năng của kinh tế chính trị Mác –Lê nin Bài tập: Làm rõ PPNC KTCT Mác Lênin.	2/0/0	- Hiểu được được đối tượng và phương pháp nghiên cứu của kinh tế chính trị Mác –Lê nin	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6 CLO7	- PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu... - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn.	- Phân CB ở nhà: Đọc trước Chương 1, TL [1], tr3-4. - Phân CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi.	
3	Chương 2. Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường 2.1 Lý luận của C. Mác về sản xuất hàng hóa và hàng hóa Bài tập: Phân tích một số hàng hóa đặc biệt.	2/0/0	- Hiểu được khái niệm về sản xuất hàng hóa, tiền, dịch vụ.. - Phân tích được một số hàng hóa đặc biệt	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6 CLO7	- PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu... - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn.	- Phân CB ở nhà: Đọc trước Chương 1, TL [1], tr4-10. - Phân CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi.	
4	2.2 Thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường	2/0/0	- Hiểu được khái niệm thị trường. - Trình bày được vai trò của các chủ thể tham gia thị trường	CLO 2	- PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu... - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn.	- Phân CB ở nhà: Đọc trước Chương 1, TL [1], tr10-21. - Phân CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi.	
5	Chương 3. Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường 3.1 Lý luận của C.Mác về giá trị	2/0/0	- Hiểu được nguồn gốc giá trị thặng dư. - Hiểu được những nội	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	- PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư	- Phân CB ở nhà: Đọc trước Chương 1, TL [1], tr23-32.	

	thị trường Bài tập: Làm rõ PP sản xuất giáo trị thặng dư		dung về bản chất và các phương pháp sản xuất giá trị thặng dư	CLO7	duy, máy chiếu... - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn.	- Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi.	
6	3.2 Tích lũy tư bản 3.3 Các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường Bài tập: Vận dụng những biểu hiện của m trong nền KTTT	2/0/0	- Vận dụng được khái niệm và các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường như lợi nhuận, lợi tức, địa tô.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6 CLO7	- PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu... - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn.	- Phần CB ở nhà: Đọc trước Chương 1, TL [1], tr33-42. - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi.	
7	Chương 4. Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường 4.1 Quan hệ giữa cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường Bài tập: Làm rõ MQH giữa cạnh tranh và độc quyền trong nền KTTT	2/0/0	- Trình bày được khái quát Quan hệ giữa cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6 CLO7	- PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu... - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn.	- Phần CB ở nhà: Đọc trước Chương 1, TL [1], tr43. - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi	
8	4.2 Độc quyền và ĐQNN trong nền kinh tế thị trường Bài tập: Phân tích những đặc điểm của độc quyền trong nền kinh tế thị trường.	2/0/0	- Phân tích được nguyên nhân hình thành, đặc điểm của độc quyền trong nền kinh tế thị trường. - Phân tích được nguyên nhân ra đời và sự phát triển của độc quyền nhà nước trong CNTB	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6 CLO7	- PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu... - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn.	- Phần CB ở nhà: Đọc trước Chương 1, TL [1], tr44-63. - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi	A2.1

9	Chương 5 Kinh tế thị trường định hướng XHCN và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam 5.1 Kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam	2/0/0	- Hiểu được khái niệm Kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam - Hiểu được tính tất yếu khách quan của việc phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam	CLO3	- PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu... - GV sử dụng tài liệu, máy tính và projector để hướng dẫn.	- Phần CB ở nhà: Đọc trước Chương 1, TL [1], tr64-69. - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi	
10	5.2 Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam Bài tập: Tại sao cần thiết hoàn thiện thể chế KTTT định hướng XHCN ở VN	2/0/0	- Hiểu được sự cần thiết của việc hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6 CLO7	- PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu... - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn.	- Phần CB ở nhà: Đọc trước Chương 1, TL [1], tr69-72. - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi	
11	5.3 Các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam	2/0/0	- Vận dụng được lợi ích kinh tế và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam - Hiểu được Vai trò nhà nước trong bảo đảm hài hòa các quan hệ lợi ích	CLO4	- PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu... - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn.	- Phần CB ở nhà: Đọc trước Chương 1, TL [1], tr72-84. - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi	
12	Chương 6 Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam 6.1 Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt	2/0/0	- Hiểu được khái niệm về Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam - Hiểu được tính tất yếu	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6 CLO7	- PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu... - GV sử dụng	- Phần CB ở nhà: Đọc trước Chương 1, TL [1], tr85-98. - Phần CB trên lớp: nghe giảng,	

	Nam Bài tập: Làm rõ tính tất yếu khách quan và nội dung của công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam		khách quan và nội dung của công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam		tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn.	ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi	
13	6.1.3 Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư	2/0/0	- Trình bày quan điểm và nội dung về công nghiệp hoá, hiện đại hóa ở Việt Nam trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư.	CLO5	- PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu... - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn.	- Phần CB ở nhà: Đọc trước Chương 1, TL [1], tr99-102. - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi	
14	6.2 Hội nhập kinh tế quốc tế ở Việt Nam Bài tập: Làm rõ nội dung tác động của hội nhập kinh tế quốc tế đến phát triển của Việt Nam	2/0/0	- Trình bày được khái niệm và sự cần thiết khách quan hội nhập kinh tế quốc tế - Hiểu được Tác động của hội nhập kinh tế quốc tế đến phát triển của Việt Nam	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6 CLO7	- PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu... - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn.	- Phần CB ở nhà: Đọc trước Chương 1, TL [1], tr102-106. - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi	
15	6.2.3 Phương hướng nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế trong phát triển của Việt Nam Bài tập: Vận dụng nội dung tích cực, chủ động tham gia vào các liên kết kinh tế quốc tế và thực hiện đầy đủ các cam kết của Việt Nam trong các liên kết kinh tế quốc tế và khu	2/0/0	- Trình bày được nhận thức sâu sắc về thời cơ và thách thức do hội nhập kinh tế quốc tế mang lại - Hiểu được nội dung tích cực, chủ động tham gia vào các liên kết kinh tế quốc tế và thực hiện đầy	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6 CLO7	- PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu... - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn.	- Phần CB ở nhà: Đọc trước Chương 1, TL [1], tr107-112. - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi	A.2.2

	vực		đủ các cam kết của Việt Nam trong các liên kết kinh tế quốc tế và khu vực				
Theo lịch thi	Thi cuối kỳ						A3

7. Học liệu

Bảng 5. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/ nơi ban hành VB
Giáo trình chính				
1	Hội đồng Trung ương biên soạn giáo trình Quốc gia	2021	Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lênin	Chính trị Quốc gia Sự Thật, Hà Nội
2	Phan Thị Thu Hà	2021	Bài giảng Kinh tế chính trị	Lưu hành nội bộ trường ĐHQB
Sách, giáo trình tham khảo				
3	Viện kinh tế chính trị học	2007	Giáo trình Lịch sử các học thuyết kinh tế	Lý luận chính trị, Hà Nội
4	V.I. Lênin	2005	Toàn tập	Chính trị Quốc gia, Hà Nội
5	C. Mác và Ăngghen	2007	Toàn tập	Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

8. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy

Bảng 6. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	Giảng đường A hoặc C	Máy tính, projector	1	Chương 1 đến chương 6

9. Rubric đánh giá

9.1 Rubric: Chuyên cần, thái độ (Diligence, attitude)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Chuyên cần	Đi học < 40%	40% ≤ Đi học < 55%	55% ≤ Đi học < 70%	70% ≤ Đi học < 85%	Đi học ≥ 85%	60%
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động gì tại	Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng góp cho	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu,	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến	Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao	40%

	lớp	bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả.	trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả.	bài học. Các đóng góp cho bài học thường xuyên hiệu quả.	đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả.	
--	-----	--	--	---	---	--

9.2. Rubric 2: Bài tập (Work Assignment)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Nộp bài tập	Không nộp bài tập hoặc hoàn thành <30% khối lượng công việc được giao	Nộp bài tập hoàn thành <50% khối lượng công việc được giao. Chưa đúng thời gian quy định.	Nộp bài tập hoàn thành <70% khối lượng công việc được giao. Một số bài tập nộp chưa đúng thời gian quy định.	Nộp bài tập hoàn thành <90% khối lượng công việc được giao. Hầu hết bài tập nộp đúng thời gian quy định.	Nộp bài tập đầy đủ >=90% số lượng được giao). Đúng thời gian quy định.	20%
Trình bày bài tập	Kém	Còn rất nhiều lỗi	Còn nhiều lỗi	Tương đối tốt	Rất tốt	30%
Nội dung bài tập	Không có bài tập	Nội dung bài tập không đầy đủ, một số nội dung không đúng theo yêu cầu nhiệm vụ.	Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với yêu cầu nhiệm vụ còn một số sai sót.	Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Nội dung đúng, rõ ràng.	Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ.	50%

9.3 Đánh giá kiểm tra viết, vấn đáp, trắc nghiệm: Theo thang điểm 10 dựa trên đáp án được thiết kế sẵn.

Trưởng khoa

KT. Trưởng bộ môn
P. Trưởng bộ môn phụ trách

Quảng Trị ngày 8 tháng 7 năm 2025

Người biên soạn

TS. Vương Kim Thành

ThS. Lương Thị Lan Huệ

ThS. Phan Thị Thu Hà

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Trình độ đào tạo: Đại học Ngành:

Mã số:

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

1.1. Tên học phần: Chủ nghĩa xã hội khoa học	1.2. Tên tiếng Anh: Science socialism
1.3. Mã học phần: MLCNXH.126	1.4. Số tín chỉ: 02
1.5. Phân bố thời gian:	
- Lý thuyết:	20 tiết
- Thực hành/ Thực tập:	10 tiết
- Tự học:	60 tiết
1.6. Các giảng viên phụ trách học phần:	
- Giảng viên phụ trách chính:	ThS. Nguyễn Thị Anh Khuyên
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	ThS. Nguyễn Thị Như Nguyệt
1.7. Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Triết học Mác-Lênin
	Kinh tế chính trị Mác-Lênin

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu chung

Cung cấp hệ thống các kiến thức cơ bản, cốt lõi và chuyên sâu về CNXHKKH, từ đó hình thành các kỹ năng cơ bản và kỹ năng chuyên ngành để phân tích, đánh giá các vấn đề thực tiễn về chính trị - xã hội liên quan đến CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam. Đồng thời hình thành và phát triển thái độ tích cực, năng lực tự chủ và trách nhiệm đối với các hoạt động của cộng đồng xã hội.

2.2. Mục tiêu cụ thể

2.2.1. Về kiến thức

Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản, cốt lõi nhất, mở rộng và chuyên sâu về chủ nghĩa xã hội khoa học, một trong ba bộ phận cấu thành của chủ nghĩa Mác – Lênin.

2.2.2. Về kỹ năng

Có kỹ năng vận dụng các tri thức nói trên vào việc xem xét, đánh giá những vấn đề chính trị, xã hội của đất nước liên quan đến chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

2.2.3. Về thái độ

Thái độ chính trị, tư tưởng đúng đắn về môn học chủ nghĩa xã hội khoa học nói riêng và nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam nói chung.

3. Chuẩn đầu ra (CLO)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra của HP

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO
-------------	--------------

CLO1	Giải thích một cách hệ thống và cốt lõi về các vấn đề của chủ nghĩa xã hội khoa học, đó là sự ra đời, các giai đoạn phát triển của CNXHKKH, ý nghĩa của việc học tập, nghiên cứu CNXHKKH, một trong ba bộ phận hợp thành chủ nghĩa Mác-Lênin; Sứ mệnh lịch sử của GCCN; CNXHKKH và TKQĐ lên CNXHKKH; Dân chủ XHCN và Nhà nước XHCN; Cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp, vấn đề dân tộc, vấn đề tôn giáo, vấn đề gia đình trong TKQĐ lên CNXH.
CLO2	Phân tích, đánh giá được các vấn đề lý luận về xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay. Đồng thời áp dụng kiến thức liên ngành, công nghệ thông tin, ngoại ngữ để lý giải, đánh giá các hiện tượng thực tiễn phát sinh trong TKQĐ lên CNXH ở Việt Nam hiện nay.
CLO3	Làm việc nhóm, làm việc độc lập; Thuyết trình các sản phẩm, bài tập trong học tập; Giao tiếp; Tổ chức các hoạt động nhóm. Sử dụng ngoại ngữ và ứng dụng công nghệ thông tin vào nghiên cứu môn học và công tác sau này. Tự học, tự nghiên cứu, thích nghi làm việc trong các môi trường khác nhau. Lắng nghe, chọn lọc thông tin và xử lý thông tin.
CLO4	Vận dụng kiến thức chuyên ngành CNXHKKH để nhận diện, phân tích, đánh giá những vấn đề thực tiễn một cách khách quan, có cơ sở khoa học. Tuyên truyền đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.
CLO5	Chấp hành đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Ý thức tự rèn luyện, nâng cao tính kỷ luật, kỷ cương.
CLO6	Bảo vệ những quan điểm khoa học và biết phê phán những quan điểm sai trái. Tham gia tích cực các hoạt động cộng đồng và thực thi trách nhiệm xã hội. Nêu cao trách nhiệm bản thân trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội trên thế giới và ở Việt Nam.

4. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO để đạt được PLO được xác định cụ thể qua bảng sau:

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO và PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
CLO 1												
CLO 2												
CLO 3												
CLO 4												
CLO 5												
CLO 6												
Tổng hợp học phần												

Ghi chú: I: mức giới thiệu/bắt đầu; R: mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...; M: mức thuần thục/thông hiểu; A: hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO, cần được thu thập minh chứng để đánh giá CDR CTĐT.

5. Đánh giá

a. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 3. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV

Thành phần đánh giá	Trọng số	Bài đánh giá	Trọng số con	Rubric (đánh dấu X nếu có)	Lquan đến CDR nào ở bảng	Hướng dẫn phương pháp đánh
---------------------	----------	--------------	--------------	----------------------------	--------------------------	----------------------------

					4.1	giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1. Chuyên cần, thái độ (CCTĐ)	5%	- Đánh giá tất cả các bài từ Chương 1 đến Chương 7 - Đánh giá theo tiêu chí sau: + Tham gia đầy đủ, tích cực chuẩn bị bài + Tham gia các hoạt động trong giờ học + Hoàn thành bài tập theo yêu cầu của giảng viên		X	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5; CLO6; CLO7	Điểm danh
A2. Kiểm tra thường xuyên (KTTX)	35%	A2.1. Tuần 7 Bài: Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa	50%	X	CLO 1	Bài kiểm tra viết cá nhân, bài tập
		A2.2. Tuần 15 Bài: Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội	50%	X	CLO 3	
A3. Đánh giá cuối kỳ	60%	Bài thi cuối kỳ: Chương 1: Nhập môn chủ nghĩa xã hội khoa học Chương 2: Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công dân Chương 3: Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội Chương 4: Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa Chương 5: Cơ cấu xã hội chủ nghĩa và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội Chương 6: Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội Chương 7: Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội		X	CLO 1 CLO 2 CLO 4	Thi tự luận, vấn đáp, tiểu luận

b. Yêu cầu đối với học phần

Sinh viên phải tham dự $\geq 80\%$ số buổi của HP. Nếu nghỉ $> 20\%$ số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP.

6. Kế hoạch và nội dung giảng dạy

Bảng 4. Kế hoạch và nội dung giảng dạy theo tuần

Tuần / Buổi (2 tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)	Số tiết (LT/TH/TT)	CDR của bài học (chương)/ chủ đề	Lquan đến CDR nào ở bảng 4.1	PP giảng dạy, tài liệu và cơ sở vật chất, thiết bị cần thiết để đạt CDR	Hoạt động học của SV(*)	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 5.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)

1	Chương 1: Nhập môn chủ nghĩa xã hội 1.1. Sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học 1.1.1. Hoàn cảnh lịch sử ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học 1.1.2. Vai trò của C Mác và Ph. Ăngghen 1.2. Các giai đoạn phát triển của chủ nghĩa xã hội khoa học 1.2.1. C Mác và Ph. Ăngghen phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học 1.2.2. V.I.Lênin vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa xã hội khoa học trong điều kiện mới 1.2.3. Sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa xã hội khoa học từ sau khi V.I.Lênin qua đời 1.3. Đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc nghiên cứu Chủ nghĩa xã hội khoa học 1.3.1. Đối tượng nghiên cứu của chủ nghĩa xã hội khoa học 1.3.2. Phương pháp nghiên cứu của chủ nghĩa xã hội khoa học 1.3.3. Ý nghĩa của việc nghiên cứu của chủ nghĩa xã hội khoa học	2LT	1.1. Hiểu được khái niệm chủ nghĩa xã hội khoa học. Ghi nhớ được hoàn cảnh ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học và vai trò của Mác - Ăngghen đối với sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học 1.2. Hiểu được các giai đoạn phát triển của chủ nghĩa xã hội khoa học 1.3. Hiểu được đối tượng, phương pháp, ý nghĩa của việc nghiên cứu CNXHKKH	CLO1 CLO2	- GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung chương 1, (tài liệu [1]) trang 3-15 - Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản) - Phần chuẩn bị trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia xây dựng bài, trao đổi.	
2	Chương 2: Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân 2.1. Quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin về giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân 2.1.1. Khái niệm và đặc điểm của giai cấp công nhân 2.1.2. Nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân	2LT	- Giải thích được khái niệm Giai cấp công nhân và SMLS của GCCN. - Phân tích được nội dung, đặc điểm SMLS của GCCN, những đk	CLO1 CLO2 CLO3	- GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn	Chương 2, TL [1], tr16-20. - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi.	

	nhân 2.1.3. Những điều kiện quy định và thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân 2.2. Giai cấp công nhân và việc thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân hiện nay 2.2.1. Quan niệm về giai cấp công nhân trong thời đại hiện nay		quy định và thực hiện SMLS của GCCN. - Giải thích được những đặc điểm của giai cấp công nhân hiện nay				
3	Chương 2: Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân 2.2.2. Thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trên thế giới hiện nay 2.3. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam 2.3.1. Đặc điểm của giai cấp công nhân Việt Nam 2.3.2. Nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam 2.3.3. Phương hướng và một số giải pháp chủ yếu xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay	1LT/ 1BT	- Phân tích được những điểm tương đồng, những biến đổi khác biệt của GCCN hiện nay so với GCCN thế kỷ XIX. - Trình bày được đặc điểm, nội dung, phương hướng và giải pháp chủ yếu để xây dựng GCCN VN hiện nay. BT- Vận dụng, lập luận, thuyết trình, kỹ năng lựa chọn và xử lý thông tin, củng cố niềm tin vào các quan điểm khoa học	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	- GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn	- Phần CB ở nhà: Đọc trước Chương 2, TL [1], tr21-23; chuẩn bị bài tập. <u>Bài tập:</u> Phê phán những luận điều sai trái phủ nhận SMLS của GCCN hiện nay - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi; thuyết trình, trao đổi, phản biện.	
4	Chương 3: Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 3.1. Chủ nghĩa xã hội 3.1.1. Chủ nghĩa xã hội – giai đoạn đầu của HTKTXH CSCN 3.1.2. Điều kiện ra đời	2L	- Giải thích được định nghĩa về CNXH. - Phân tích được tính tất yếu KQ của TKQĐ lên	CLO1 CLO2 CLO3	- GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn	- Phần CB ở nhà: Đọc trước Chương 3, TL [1], tr24-30 - Phần CB trên lớp:	

	chủ nghĩa xã hội 3.1.3. Những đặc trưng bản chất của CNXH 3.2. Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 3.2.1. Tính tất yếu khách quan của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 3.2.2. Đặc điểm thời kỳ quá độ lên CNXH		CNXH, đặc điểm TKQĐ lên CNXH. - Giải thích được bản chất của việc quá độ lên CNXH bỏ qua chế độ TBCN ở VN.			nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi.	
5	Chương 3: Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 3.3. Quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam 3.3.1. Đặc điểm quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa 3.3.2. Những đặc trưng của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam và phương hướng xây dựng CNXH ở Việt Nam hiện nay	1LT/ 1BT	- Phân tích và vận dụng sáng tạo CN Mác-Lênin vào đk cụ thể của VN (đặc trưng, phương hướng) - Phân tích được những thuận lợi, khó khăn trong thực hiện những nhiệm vụ của TKQĐ lên CNXH ở nước ta và định hướng giải quyết. BT- Vận dụng, lập luận, thuyết trình, kỹ năng lựa chọn và xử lý thông tin, củng cố niềm tin vào các quan điểm khoa học	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	- GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn	- Phần CB ở nhà: khai thác tài liệu, chuẩn bị bài tập. - Bài tập: Phân tích làm rõ những thuận lợi, khó khăn trong thực hiện những nhiệm vụ của TKQĐ lên CNXH ở nước ta và định hướng giải quyết? - Phần CB trên lớp: thuyết trình, báo cáo, phản biện.	
6	Chương 4: Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa 4.1. Dân chủ và dân chủ xã hội chủ nghĩa 4.1.1. Dân chủ và sự ra đời, phát triển của dân chủ 4.1.2. Dân chủ xã hội chủ nghĩa	1LT/ 1BT	- Giải thích được khái niệm dân chủ, sự ra đời và phát triển của dân chủ - Giải thích và phân tích được nền dân	CLO1 CLO2 CLO3	- GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn	Phần CB ở nhà: Khai thác TL, chuẩn bị sẵn BT. - Phần CB trên lớp: thuyết trình, trao	

			chủ xã hội chủ nghĩa			đổi, phản biện.	
7	Chương 4: Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa 4.2. Nhà nước xã hội chủ nghĩa 4.2.1. Sự ra đời, bản chất, chức năng của nhà nước xã hội chủ nghĩa 4.2.2. Mối quan hệ giữa dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước xã hội chủ nghĩa - Kiểm tra tín chỉ 1	1LT/ 1BT	- Giải thích được sự ra đời, phát triển, bản chất của dân chủ và dân chủ XHCN. - Giải thích được sự ra đời, bản chất, chức năng của Nhà nước XHCN - Vận dụng và phân tích được dân chủ XHCN và Nhà nước pháp quyền XHCN ở Việt Nam.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	- GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn	- Phần CB ở nhà: Khai thác TL, chuẩn bị sẵn BT. - Phần CB trên lớp: thuyết trình, trao đổi, phản biện.	A2.1
8	Chương 4: Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa 4.3. Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam 4.3.1. Dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam 4.3.2. Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam 4.3.3. Phát huy dân chủ XHCN, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay	1LT/ 1BT	- Giải thích được nền dân chủ XHCN và nhà nước pháp quyền XHCN - Phân tích được những đặc điểm cơ bản của nhà nước pháp quyền XHCN ở VN	CLO2 CLO4	- GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn	- Phần CB ở nhà: Khai thác TL, chuẩn bị sẵn BT. - Phần CB trên lớp: thuyết trình, trao đổi, phản biện.	
9	Chương 5: Cơ cấu xã hội- giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 5.1. Cơ cấu xã hội – giai cấp trong TKQĐ lên CNXH 5.1.1. Khái niệm và vị trí của cơ cấu xã hội – giai cấp trong cơ cấu xã hội	1LT/ 1BT	- Vận dụng, phân tích cơ cấu XH-GC và liên minh GC, TL ở Việt Nam trong TKQĐ lên CNXH. - Vận dụng, sáng tạo, hiệu quả	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	- GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn	- Phần CB ở nhà: khai thác tài liệu, chuẩn bị bài tập. - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia xây dựng	

	5.1.2. Sự biến đổi có tính quy luật của cơ cấu xã hội – giai cấp trong TKQĐ lên CNXH 5.2. Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam		trách nhiệm của SV trong việc góp phần tăng cường khối liên minh GC, TL và xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân ở VN hiện nay.			bài, thuyết trình, báo cáo, phản biện	
10	Chương 5: Tiếp 5.3. Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam 5.3.1. Cơ cấu xã hội – giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam 5.3.2. Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam	1LT/ 1BT	- Giải thích được nội dung của liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên CNXH - Vận dụng, phân tích cơ cấu XH-GC và liên minh GC, TL ở Việt Nam trong TKQĐ lên CNXH - Vận dụng, sáng tạo, hiệu quả trách nhiệm của SV trong việc góp phần tăng cường khối liên minh GC, TL và xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân ở VN hiện nay.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	- GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn	- Phần CB ở nhà: khai thác tài liệu, chuẩn bị bài tập. <u>Bài tập:</u> Trách nhiệm của SV trong việc góp phần tăng cường khối liên minh GC, TL và xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân ở VN hiện nay? - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia xây dựng bài, thuyết trình, báo cáo, phản biện	
11	Chương 6: Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 6.1. Dân tộc trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 6.1.1. Khái niệm, đặc trưng cơ bản của dân tộc	1LT/ 1BT	- Giải thích được khái niệm và đặc trưng của dân tộc. Phân tích được hai xu hướng khách quan	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	- GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn	- Phần CB ở nhà: khai thác tài liệu, chuẩn bị bài tập. - Phần CB trên lớp: thuyết	

	6.1.2. Chủ nghĩa Mác-Lênin về vấn đề dân tộc 6.1.3. Dân tộc và quan hệ dân tộc ở Việt Nam		của sự phát triển dân tộc. Trình bày được CLDT của CN Mác-Lênin, TT HCM về dân tộc và quan hệ dân tộc. - Vận dụng, phân tích vấn đề dân tộc trong TKQĐ lên CNXH ở VN			trình, báo cáo, phản biện.	
12	Chương 6: Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội Bài tập: Vận dụng, phân tích vấn đề phát triển dân tộc ở Việt Nam, ở địa phương hiện nay. 6.2. Vấn đề tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 6.2.1. Quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin về tôn giáo 6.2.2. Tôn giáo ở Việt Nam và chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước ta hiện nay 6.3. Quan hệ giữa dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam 6.3.1. Đặc điểm quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam	2LT	- Vận dụng được vào thực tiễn xã hội, địa phương. - Giải thích được khái niệm, bản chất, nguồn gốc, tính chất, chức năng của tôn giáo.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	- GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn	- Phần CB ở nhà: khai thác tài liệu, chuẩn bị bài tập. - Phần CB trên lớp: thuyết trình, báo cáo, phản biện. .	
13	Chương 6: Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 6.3.2. Định hướng giải quyết mối quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam hiện nay Chương 7: Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội	1LT/ 1BT	- Vận dụng, sáng tạo, hiệu quả trách nhiệm của SV trong nhận thức, thực hiện, tuyên truyền những vấn đề liên quan đến quan điểm, chính sách về	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	- GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn	- Phần CB ở nhà: khai thác tài liệu, chuẩn bị bài tập. <u>Bài tập:</u> Trách nhiệm của SV trong nhận thức, thực hiện, tuyên	

	7.1. Khái niệm, vị trí và chức năng của gia đình 7.1.1. Khái niệm gia đình 7.1.2. Vị trí của gia đình trong xã hội 7.1.3. Chức năng cơ bản của gia đình		tín ngưỡng, tôn giáo ở VN hiện nay. - Giải thích được khái niệm, vị trí, chức năng và các hình thức gia đình trong lịch sử.			truyền những vấn đề liên quan đến quan điểm, chính sách về tín ngưỡng, tôn giáo ở VN hiện nay? - Phần CB trên lớp: thuyết trình, báo cáo, phản biện.	
14	Chương 7: Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 7.2. Cơ sở xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 7.2.1. Cơ sở kinh tế - xã hội 7.2.2. Cơ sở chính trị - xã hội 7.2.3. Cơ sở văn hóa 7.2.4. Chế độ hôn nhân tiến bộ 7.3. Xây dựng gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 7.3.1. Sự biến đổi của gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội	1LT/ 1BT	- Vận dụng, sáng tạo, hiệu quả trách nhiệm của SV trong nhận thức, thực hiện, tuyên truyền những vấn đề liên quan đến quan điểm, chính sách về tín ngưỡng, tôn giáo ở VN hiện nay. - Giải thích được khái niệm, vị trí, chức năng và các hình thức gia đình trong lịch sử. - Vận dụng, sáng tạo, hiệu quả trách nhiệm của SV trong nhận thức, thực hiện, tuyên truyền những vấn đề liên quan đến xây dựng và	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	- GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng	- Phần CB ở nhà: khai thác tài liệu, chuẩn bị bài tập. <u>Bài tập:</u> Trách nhiệm của SV trong nhận thức, thực hiện, tuyên truyền những vấn đề liên quan đến xây dựng và phát triển gia đình ở Việt Nam hiện nay? - Phần CB trên lớp: thuyết trình, báo cáo, phản biện.	

			phát triển gia đình ở Việt Nam hiện nay				
15	Chương 7: Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 7.3.2. Biến đổi trong thực hiện các chức năng của gia đình 7.3.3. Biến đổi trong các mối quan hệ gia đình 7.3.4. Phương hướng cơ bản để xây dựng và phát triển gia đình Việt Nam trong TKQĐ lên CNXH - Kiểm tra tín chỉ 2	2LT	- Vận dụng, sáng tạo, hiệu quả trách nhiệm của SV trong nhận thức, thực hiện, tuyên truyền những vấn đề liên quan đến xây dựng và phát triển gia đình ở Việt Nam hiện nay	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	- GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn	- Phần CB ở nhà: khai thác tài liệu, chuẩn bị bài tập. - Phần CB trên lớp: thuyết trình, báo cáo, phản biện	A2.2
Theo lịch thi	Thi cuối kỳ			CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6			A3

7. Học liệu

Bảng 5. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
Giáo trình chính				
1	Nguyễn Thị Anh Khuyên	2021	Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học (dành cho bậc đại học - không chuyên LLCT)	Giáo trình nội bộ Trường ĐHQB
Sách, giáo trình tham khảo				
2	Đảng Cộng sản Việt Nam	2011	Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội	NXB CTQG, Hà Nội
3	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2001	Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin	NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
4	Nguyễn Thị Thanh	2011	Về chủ nghĩa Mác – Lênin chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam	NXB Chính trị – Hành chính.
5	Hoàng Tùng	1997	Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản, Tuyên ngôn khoa học và cách mạng	NXB Chính trị Quốc gia.

8. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy

Bảng 6. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	Giảng đường A, C	máy tính, projector	1	Chương 1 đến 7

9. Holistic Rubric đánh giá

Rubric 1: Chuyên cần (Class Attendance)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Chuyên cần	Đi học < 40%	40% <= Đi học < 55%	55% <= Đi học < 70%	70% <= Đi học < 85%	Đi học >=85%	60%
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động gì tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng góp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả.	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả.	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học thường hiệu quả.	Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả.	40%

Rubric 2: Bài tập (Work Assignment)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Nộp bài tập	Không nộp bài tập hoặc hoàn thành <30% khối lượng công việc được giao	Nộp bài tập hoàn thành <50% khối lượng công việc được giao. Chưa đúng thời gian quy định.	Nộp bài tập hoàn thành <70% khối lượng công việc được giao. Một số bài tập nộp chưa đúng thời gian quy định.	Nộp bài tập hoàn thành <90% khối lượng công việc được giao. Hầu hết bài tập nộp đúng thời gian quy định.	Nộp bài tập đầy đủ >=90% số lượng được giao. Đúng thời gian quy định.	20%
Trình bày bài tập	Kém	Còn rất nhiều lỗi	Còn nhiều lỗi	Tương đối tốt	Rất tốt	30%
Nội dung bài tập	Không có bài tập	Nội dung bài tập không đầy đủ, một số không đúng theo yêu cầu nhiệm vụ.	Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với yêu cầu nhiệm vụ nhưng chưa hợp lý. Còn một số sai sót.	Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Nội dung đúng, rõ ràng.	Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ.	50%

Rubric 3: Thuyết trình (Oral Presentation)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Nội dung báo cáo	Không có nội dung hoặc nội dung không phù hợp với yêu cầu.	Nội dung chưa phù hợp với yêu cầu, hình ảnh và giải thích chưa rõ ràng.	Nội dung phù hợp với yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ chưa tốt. Hình ảnh minh họa, trình bày còn hạn chế.	Nội dung phù hợp với yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Hình ảnh minh họa, trình bày còn hạn chế.	Nội dung phù hợp với yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Hình ảnh minh họa rõ ràng, đẹp, phong phú.	50%
Trình bày slide	Slide trình bày quá sơ sài, không đủ số lượng theo quy định	Slide trình bày với số lượng phù hợp, sử dụng từ ngữ và hình ảnh rõ ràng	Slide trình bày với bố cục logic, rõ ràng, gồm 3 phần	Slide trình bày với bố cục logic, rõ ràng, gồm 3 phần, thể hiện sự thành thạo trong trình bày	Slide trình bày với bố cục logic, rõ ràng, gồm 3 phần. Thuật ngữ sử dụng đơn giản dễ hiểu. Thể hiện sự thành thạo trong trình bày và ngôn ngữ.	25%
Thuyết trình	Trình bày không logic, vượt quá thời gian quy định.	Bài trình bày đầy đủ. Giọng nói nhỏ, phát âm còn	Phần trình bày có bố cục 3 phần rõ ràng. Giọng nói vừa phải, rõ ràng, dễ	Phần trình bày ngắn gọn, dễ hiểu. Sử dụng các thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Bố	Phần trình bày ngắn gọn. Bố cục rõ ràng. Giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thu hút sự	25%

Sử dụng thuật ngữ không đúng, phát âm không rõ, giọng nói nhỏ. Người nghe không hiểu.	một số từ không rõ, sử dụng thuật ngữ phức tạp, chưa có tương tác với người nghe khi trình bày.	nghe, thời gian trình bày đúng quy định, thính thoảng có tương tác với người nghe. Người nghe có thể hiểu và kịp theo dõi nội dung trình bày.	cực rõ ràng. Giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thời gian trình bày đúng quy định. Tương tác tốt với người nghe. Người nghe có thể hiểu được nội dung trình bày.	chú ý của người nghe, tương tác tốt với người nghe. Người nghe có thể hiểu và theo kịp tất cả nội dung trình bày. Thời gian trình bày đúng quy định.
---	---	---	--	--

Đánh giá kiểm tra viết (Written Exam): Theo thang điểm 10 dựa trên đáp án thiết kế sẵn.

Trưởng khoa

Quảng Trị, ngày 8 tháng 7 năm 2025
KT. Trưởng bộ môn
P. Trưởng bộ môn phụ trách

Người biên soạn

TS. Vương Kim Thành

ThS. Lương Thị Lan Huệ

ThS. Nguyễn Thị Anh Khuyên

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Trình độ đào tạo: **ĐH**

Ngành:

Mã số:

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

1.1. Tên học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh	1.2. Tên tiếng Anh: Ho Chi Minh thought
1.3. Mã học phần: MLTHCM.02	1.4. Số tín chỉ: 02
1.5. Phân bố thời gian:	
- Lý thuyết:	30 tiết
- Thực hành/ Thực tập:	0 tiết
- Tự học:	60 tiết
1.6. Các giảng viên phụ trách học phần:	
- Giảng viên phụ trách chính:	ThS. Trương Thị Thu Hà
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	TS. Nguyễn Văn Duyệt
1.7. Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Triết học Mác-Lênin Kinh tế chính trị Chủ nghĩa xã hội khoa học

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu chung

- Góp phần nâng cao nhận thức cho sinh viên về vai trò, vị trí của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam; làm cho tư tưởng của Người ngày càng giữ vai trò chủ đạo trong đời sống tinh thần của thế hệ trẻ nước ta.

- Giúp người học củng cố lập trường cách mạng, kiên định mục tiêu lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với CNXH; góp phần giáo dục đạo đức, tư cách, phẩm chất cách mạng, đóng góp thiết thực và hiệu quả cho sự nghiệp cách mạng.

2.2. Mục tiêu cụ thể

2.2.1. Kiến thức

Sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản về khái niệm, nguồn gốc, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Những nội dung cơ bản tư tưởng Hồ Chí Minh; Sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa.

2.2.2. Kỹ năng

Hình thành cho sinh viên khả năng tư duy độc lập, phân tích, đánh giá, vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn đời sống, học tập, công tác.

2.2.3. Thái độ

Sinh viên được nâng cao bản lĩnh chính trị, yêu nước, trung thành với mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; nhận thức được vai trò, giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh đối với Đảng và dân tộc Việt Nam; thấy được trách nhiệm của bản thân trong việc học tập và rèn luyện để góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ Quốc.

3. Chuẩn đầu ra (CLO)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra của HP

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO
CLO1	Nghiên cứu các chuyên đề tư tưởng Hồ Chí Minh nhằm làm cho sinh viên nhận thức sâu sắc thêm các nội dung, giá trị, vai trò của tư tưởng Hồ Chí Minh
CLO2	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu, ý nghĩa học tập tư tưởng Hồ Chí Minh và các nội dung cơ bản tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng giải phóng dân tộc, CNXH, Đảng và Nhà nước, đoàn kết dân tộc, đạo đức, văn hoá và con người.
CLO3	Có kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, khả năng tư duy độc lập, phân tích, đánh giá.
CLO4	Có năng lực tham gia vào cuộc đấu tranh tư tưởng, lý luận, biết bảo vệ những quan điểm khoa học và biết phê phán những quan điểm sai trái, thù địch, xuyên tạc Hồ Chí Minh, Đảng và Nhà nước
CLO5	Nêu cao trách nhiệm bản thân trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội
CLO6	Góp phần xây dựng nền tảng đạo đức, con người mới có bản lĩnh, trách nhiệm.

4. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO để đạt được PLO được xác định cụ thể qua bảng sau:

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO và PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO 1										
CLO 2										
CLO 3										
CLO 4										
CLO 5										
CLO 6										
Tổng hợp học phần										

Ghi chú: I: mức giới thiệu/bắt đầu; R: mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...; M: mức thuần thục/thông hiểu; A: hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO, cần được thu thập minh chứng để đánh giá CDR CTĐT.

5. Đánh giá

a. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 3. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV

Thành phần đánh giá	Trọng số	Bài đánh giá	Trọng số con	Rubric (đánh dấu X nếu có)	Lquan đến CDR nào ở bảng 4.1	Hướng dẫn phương pháp đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1. Chuyên cần, thái độ (CCTĐ)	5%	- Đánh giá tất cả các bài từ Chương 1 đến Chương 6 - Đánh giá theo tiêu chí sau: + Tham gia đầy đủ, tích cực chuẩn bị bài + Tham gia các hoạt động trong giờ học + Hoàn thành bài tập theo yêu cầu của giảng viên		X	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	- Điểm danh - Quan sát
A2. Kiểm tra thường xuyên (KTTX)	35%	A2.1. Tuần 7 Chương 3: Tư tưởng Hồ Chí Minh về Độc lập dân tộc và Chủ nghĩa xã hội.	50%	X	CLO 1 CLO 2	- Bài kiểm tra viết hoặc bài tập (Đáp ứng yêu cầu về nộp bài tập, hình thức trình bày)
		A2.2. Tuần 14 Chương 6: Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người.	50%	X	CLO 2 CLO5 CLO6	
A3. Đánh giá cuối kỳ	60%	Bài thi cuối kỳ:			CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO 4 CLO 5 CLO 6	- Thi tự luận - Thi vấn đáp - Tiểu luận - Trắc nghiệm

b. Yêu cầu đối với học phần

Sinh viên phải tham dự $\geq 80\%$ số buổi của HP. Nếu nghỉ $> 20\%$ số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP.

6. Kế hoạch và nội dung giảng dạy

Bảng. Kế hoạch và nội dung giảng dạy theo tuần

Tuần/ Buổi (2 tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)	Số tiết (LT/ BT)	CDR của bài học (chương)/ chủ đề	Lquan đến CDR nào ở bảng 4.1	PP giảng dạy, tài liệu và cơ sở vật chất, thiết bị cần thiết để đạt CDR	Hoạt động học của SV(*)	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 5.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Chương 1: Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh 1.1. Khái niệm tư	2/0/0	- Hiểu được khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh	CLO1 CLO2	- GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector	- Phân chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung	

	tướng Hồ Chí Minh 1.1.1. Khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh 1.1.2. Quá trình nhận thức của Đảng Cộng sản Việt Nam về tư tưởng Hồ Chí Minh. 1.2. Đối tượng nghiên cứu môn học tư tưởng Hồ Chí Minh.		- Nắm được đối tượng, phương pháp nghiên cứu môn học tư tưởng Hồ Chí Minh		để hướng dẫn	chương 1, (tài liệu [1]) tr.1-05. - Phần chuẩn bị trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia xây dựng bài, trao đổi.	
2	1.3. Phương pháp nghiên cứu đời. 1.3.1. Phương pháp luận của việc nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh. 1.3.2. Một số phương pháp cụ thể. 1.4. Ý nghĩa của việc học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh. 1.4.1. Góp phần nâng cao năng lực tư duy lý luận. 1.4.2. Giáo dục và thực hành đạo đức cách mạng, củng cố niềm tin khoa học gắn liền với trau dồi tình cảm cách mạng, bồi dưỡng lòng yêu nước. 1.4.3. Xây dựng, rèn luyện phương pháp và phong cách công tác.	2/0/0	- Hiểu được phương pháp NC môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh - Hiểu được ý nghĩa của việc nghiên cứu môn học tư tưởng Hồ Chí Minh	CLO1 CLO2 CLO3	- GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn	Chương 2, TL [1], tr4 - 10. - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi.	
3	Chương 2: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh I. Cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh 1.1. Cơ sở thực tiễn 1.1.1. Thực tiễn Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX 1.1.2. Thực tiễn thế giới cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX 1.2. Cơ sở lý luận	2/0/0	Nắm được cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh Nắm được các giai đoạn hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh trước 1911-1920	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	- GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn	- Phần CB ở nhà: Đọc trước Chương 2, TL [1], tr11-23; chuẩn bị bài tập. <u>Bài tập:</u> Hãy làm rõ cơ sở lý luận và	

	1.2.1. Giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam 1.2.2. Tinh hoa văn hóa nhân loại 1.2.3. Chủ nghĩa Mác – Lênin 1.3. Nhân tố chủ quan 1.3.1. Phẩm chất Hồ Chí Minh 1.3.2. Tài năng hoạt động, tổng kết thực tiễn phát triển lý luận II. Quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh 2.1. Thời kỳ trước ngày 5-6-1911 2.2. Thời kỳ từ giữa năm 1911 đến cuối năm 1920					thực tiễn ra đời tư tưởng Hồ Chí Minh	
4	Tiếp chương 2 2.3. Thời kỳ từ cuối năm 1920 đến đầu năm 1930 2.4. Từ đầu năm 1930 đến đầu năm 1941 2.5. Thời kỳ từ đầu năm 1941 đến tháng 9-1969 III. Giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh 3.1. Đối với cách mạng Việt Nam 3.2. Đối với sự phát triển tiến bộ của nhân loại	2/0/0	- Nắm được các giai đoạn hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh trước 1911-1920 - nắm được giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh đối với Việt Nam và thế giới .	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	- GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn	- Phần CB ở nhà: Đọc trước Chương 3, TL [1], tr24-29 - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi.	
5	Chương 3: Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. 3.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về Độc lập dân tộc 3.1.1. Độc lập, tự do là quyền thiêng liêng, bất khả xâm phạm của tất cả các dân tộc 3.1.2. Độc lập dân tộc phải gắn liền tự do,	2/0/0	Hiểu được tư tưởng Hồ Chí Minh về ĐLDT - Nắm được tính sáng tạo của Hồ Chí Minh trong cách mạng GPDT - Chống lại những luận điểm sai trái, chống phá xuyên tạc về tư tưởng Hồ Chí Minh về ĐLDT	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	- GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn	- Phần CB ở nhà: khai thác tài liệu [1, trang 30-37] chuẩn bị bài tập. - Bài tập: Phân tích làm rõ những luận điểm sáng tạo	

	com no, áo ấm và hạnh phúc của nhân dân 3.1.3. Độc lập dân tộc phải là nền độc lập thật sự, hoàn toàn và triệt để 3.1.4. Độc lập dân tộc phải gắn liền với thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ 3.2. Cách mạng giải phóng dân tộc 3.2.1. Cách mạng giải phóng dân tộc muốn thắng lợi phải đi theo con đường cách mạng vô sản 3.2.2. Cách mạng giải phóng dân tộc trong điều kiện Việt Nam, muốn thắng lợi phải do Đảng Cộng sản lãnh đạo. 3.2.3. Cách mạng GPDT phải dựa trên lực lượng đại đoàn kết dân tộc, lấy liên minh công nông làm nền tảng 3.2.4. Cách mạng giải phóng dân tộc cần chủ động, sáng tạo, có khả năng giành thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc.					của hồ Chí minh trong cách mạng GPDT? - Phần CB trên lớp: thuyết trình, báo cáo, phản biện.	
6	Chương 3: (tiếp theo) 3.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. 3.3.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội 3.3.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh xây dựng CNXH ở Việt Nam 3.3.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam 3.4. Tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa ĐLDT và CNXH	2/0/0	Hiếu tư tưởng Hồ Chí Minh về CNXH và thời kỳ quá độ đi lên CNXH; xây dựng CNXH ở Việt Nam. - Nắm tính quy luật của cách mạng Việt Nam: độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. - Giúp sinh viên thêm tự hào về sức mạnh của dân tộc, tin tưởng sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	- GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn	Phần CB ở nhà: Khai thác TL [1, 49, chuẩn bị sẵn BT. Tư tưởng Hồ Chí Minh về thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội. - Phần CB trên lớp: thuyết	

	3.4.1. ĐLDT là cơ sở là tiền đề để tiến lên CNXH 3.4.2. CNXH là điều kiện để đảm bảo nền ĐLDT 3.4.3. Điều kiện để đảm bảo nền ĐLDT gắn liền với CNXH 3.5. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về ĐLDT gắn liền với CNXH trong sự nghiệp cách mạng Việt Nam hiện nay. 3.5.1. Kiên định mục tiêu và con đường cách mạng mà Hồ Chí Minh đã xác định 3.5.2. Phát huy sức mạnh dân chủ xã hội chủ nghĩa 3.5.3. Củng cố, kiện toàn, phát huy sức mạnh và hiệu quả hoạt động của toàn bộ hệ thống chính trị 3.5.4. Đấu tranh chống những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và tự diễn biến, tự chuyển hóa trong nội bộ.		ở Việt Nam.			trình, trao đổi, phản biện.	
7	Chương 4: Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. 4.1. Tính tất yếu và vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam 4.2. Đảng phải trong sạch và vững mạnh 4.2.1. Đảng là đạo đức, là văn minh 4.2.2. Những nguyên tắc trong hoạt động của Đảng 4.2.3. Xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên - Kiểm tra tín chỉ 1	2/0/0	- Nắm và hiểu được vì sao Đảng Cộng sản Việt Nam lại là cơ quan lãnh đạo. - Vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. - Yêu cầu đối với Đảng phải trong sạch và - Hiểu được tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	- GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn	- Phần CB ở nhà: Khai thác TL [1, tr 51-57], chuẩn bị sẵn bài tập: Tính tất yếu và vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. - Bài tập: - Phần CB trên lớp: thuyết	A2.1.

						trình, trao đổi, phản biện.	
8	Tiếp chương 4 4.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước Việt Nam 4.3.1. Nhà nước dân chủ 4.3.2. Nhà nước pháp quyền 4.3.3. Nhà nước trong sạch, vững mạnh	2/0/0	- Hiểu được tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân - Nắm rõ tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước trong sạch vững mạnh thông qua kiểm soát quyền lực và phòng chống tiêu cực trong nhà nước.	CLO1 CLO2 CLO4 CLO5 CLO6	- GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn	- Phần CB ở nhà: Khai thác TL [1, 52-66] , chuẩn bị sẵn BT. Nhà nước pháp quyền trong tư tưởng Hồ Chí Minh là gì? - Phần CB trên lớp: thuyết trình, trao đổi, phản biện.	
9	Tiếp chương 4 4.4. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào công tác xây dựng Đảng và Nhà nước 4.4.1. Xây dựng Đảng thật sự trong sạch vững mạnh 4.4.2. Xây dựng Nhà nước	2/0/0	- Hiểu được sự vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong xây dựng Đảng và Nhà nước trong sạch vững mạnh.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	- GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn	- Phần CB ở nhà: khai thác tài liệu [67-69], chuẩn bị bài tập. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia xây dựng bài, thuyết trình, báo cáo, phản	

						biện	
10	Chương 5: Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế 5.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc 5.1.1. Vai trò của đại đoàn kết dân tộc 5.1.2. Lực lượng khối đại đoàn kết dân tộc 5.1.3. Điều kiện để xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc 5.1.4. Hình thức, nguyên tắc tổ chức của khối đại đoàn kết toàn dân tộc – Mặt trận dân tộc thống nhất 5.1.5. Phương thức xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc.	2/0/0	- Hiểu và phân tích được vai trò của đại đoàn kết dân tộc; lực lượng khối đại đoàn kết dân tộc; điều kiện để xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc; Mặt trận dân tộc thống nhất là khối đại đoàn kết dân tộc.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	- GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn	- Phần CB ở nhà: khai thác tài liệu [70-76], chuẩn bị bài tập. <u>Bài tập:</u> Làm rõ quan điểm tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia xây dựng bài, thuyết trình, báo cáo, phản biện	
11	5.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết quốc tế 5.2.1. Sự cần thiết phải đoàn kết quốc tế 5.2.2. Lực lượng đoàn kết quốc tế và hình thức tổ chức 5.2.3. Nguyên tắc đoàn kết quốc tế 5.3. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về Đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế trong giai đoạn hiện nay	2/0/0	- Hiểu và phân tích được sự cần thiết đoàn kết quốc tế. Nêu được lực lượng đoàn kết quốc tế và hình thức tổ chức. Nguyên tắc của đoàn kết quốc tế. - Vận dụng được tư tưởng Hồ Chí Minh Đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế trong giai đoạn hiện nay.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	- GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn	- Phần CB ở nhà: khai thác tài liệu, chuẩn bị bài tập. BT: Đoàn kết quốc tế trong Tư tưởng Hồ Chí Minh là gì? - Phần CB trên lớp: thuyết trình, báo cáo, phản biện.	
12	Chương 6: Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn	2/0/0	- Hiểu một số khái niệm về văn	CLO1 CLO2	- GV sử dụng tài	- Phần CB ở	

	hóa, đạo đức, con người 6.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa 6.1.1. Một số nhận thức chung về văn hóa và quan hệ giữa văn hóa với các lĩnh vực khác. 6.1.2. Quan điểm Hồ Chí Minh về vai trò của văn hóa		hóa và mối quan hệ văn hóa và các lĩnh vực khác	CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn	nhà: khai thác tài liệu [83-84, chuẩn bị bài tập. - Phần CB trên lớp: thuyết trình, báo cáo, phản biện.	
13	Tiếp chương 6 6.2. Quan điểm Hồ Chí Minh về đạo đức 6.2.1. Đạo đức là gốc, là nền tảng tinh thần của xã hội, của con người cách mạng 6.2.2. Quan điểm Hồ Chí Minh về những chuẩn mực đạo đức cách mạng 6.2.3. Quan điểm của Hồ Chí Minh về những nguyên tắc xây dựng đạo đức cách mạng	2/0/0	- Nắm rõ nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	- GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn	- Phần CB ở nhà: khai thác tài liệu, chuẩn bị bài tập. <u>Bài tập:</u> Trách Phân tích nội dung xây dựng văn hóa, đạo đức, con người Việt Nam hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh? - Phần CB trên lớp: thuyết trình, báo cáo, phản biện.	
14	Chương 6 Tiếp theo 6.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về con người 6.3.1. Quan niệm của Hồ Chí Minh về con người 6.3.2. Quan niệm của Hồ Chí Minh về vai trò của con người 6.3.3. Quan điểm của Hồ Chí Minh về xây	2/0/0	- Trình bày được tư tưởng Hồ Chí Minh về con người, vai trò của con người, xây dựng con người. - Hiểu và vận dụng Xây dựng văn hóa, đạo đức, con người Việt Nam hiện nay	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	- GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn	- Phần CB ở nhà: khai thác tài liệu, chuẩn bị bài tập. <u>Bài tập:</u> Phân tích quan điểm của	A2.2

	dựng con người.		theo tư tưởng Hồ Chí Minh.			Hồ Chí Minh về con người mới. Liên hệ tới tách nhiệm sinh viên? - Phần CB trên lớp: thuyết trình, báo cáo, phản biện.	
15	Tiếp chương 6 6.4. Xây dựng văn hóa, đạo đức con người Việt Nam hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh 6.4.1. Xây dựng và phát triển văn hóa, con người. - Kiểm tra tín chỉ 2	2/0/0	Giúp sinh viên hiểu được xây dựng văn hóa, đạo đức, con người theo tư tưởng Hồ Chí Minh	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	- GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn	- Phần CB ở nhà: khai thác tài liệu, chuẩn bị bài tập. - Phần CB trên lớp: thuyết trình, báo cáo, phản biện	
Theo lịch thi	Thi cuối kỳ			CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6			A3

7. Học liệu

Bảng 5. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
Giáo trình chính				
1	Trương Thị Thu Hà	2024	Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh (dành cho bậc Đại học - không chuyên LLCT)	Giáo trình nội bộ Trường ĐHQB
2	Bộ Giáo dục Đào tạo	2021	Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh (dành cho bậc đại học - không chuyên LLCT)	NXB Chính trị Quốc gia Hà Nội
Sách, giáo trình tham khảo				
3	Song Thành	2006	Hồ Chí Minh - Tiểu sử, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội	NXB Lý luận, Hà Nội.
4	Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh	2003	Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh	NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

8. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy

Bảng 6. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	Giảng đường A, C	máy tính, projector	1	Chương 1 đến 6

9. Holistic Rubric đánh giá

Rubric 1: Chuyên cần (Class Attendance)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Chuyên cần	Đi học < 40%	40% <= Đi học < 55%	55% <= Đi học < 70%	70% <= Đi học < 85%	Đi học >=85%	60%
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động gì tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng góp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả.	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả.	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học thường hiệu quả.	Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả.	40%

Rubric 2: Bài tập (Work Assignment)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Nộp bài tập	Không nộp bài tập hoặc hoàn thành <30% khối lượng công việc được giao	Nộp bài tập hoàn thành <50% khối lượng công việc được giao. Chưa đúng thời gian	Nộp bài tập hoàn thành <70% khối lượng công việc được giao. Một số bài tập nộp	Nộp bài tập hoàn thành <90% khối lượng công việc được giao. Hầu hết bài tập nộp	Nộp bài tập đầy đủ >=90% số lượng được giao). Đúng thời gian quy định.	20%

		quy định.	chưa đúng thời gian quy định.	đúng thời gian quy định.		
Trình bày bài tập	Kém	Còn rất nhiều lỗi	Còn nhiều lỗi	Tương đối tốt	Rất tốt	30%
Nội dung bài tập	Không có bài tập	Nội dung bài tập không đầy đủ, một số không đúng theo yêu cầu nhiệm vụ.	Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với yêu cầu nhiệm vụ nhưng chưa hợp lý. Còn một số sai sót.	Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Nội dung đúng, rõ ràng.	Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Tính toán logic, chi tiết và rõ ràng, hoàn toàn hợp lý.	50%

Rubric 3: Thuyết trình (Oral Presentation)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Nội dung báo cáo	Không có nội dung hoặc nội dung không phù hợp với yêu cầu.	Nội dung chưa phù hợp với yêu cầu, hình ảnh và giải thích chưa rõ ràng.	Nội dung phù hợp với yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ chưa tốt. Hình ảnh minh họa, trình bày còn hạn chế.	Nội dung phù hợp với yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Hình ảnh minh họa, trình bày còn hạn chế.	Nội dung phù hợp với yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Hình ảnh minh họa rõ ràng, đẹp, phong phú.	50%
Trình bày slide	Slide trình bày quá sơ sài, không đủ số lượng theo quy định	Slide trình bày với số lượng phù hợp, sử dụng từ ngữ và hình ảnh rõ ràng	Slide trình bày với bố cục logic, rõ ràng, gồm 3 phần	Slide trình bày với bố cục logic, rõ ràng, gồm 3 phần, thể hiện sự thành thạo trong trình bày	Slide trình bày với bố cục logic, rõ ràng, gồm 3 phần. Thuật ngữ sử dụng đơn giản dễ hiểu. Thể hiện sự thành thạo trong trình bày và ngôn ngữ.	25%
Thuyết trình	Trình bày không logic, vượt quá thời gian quy định. Sử dụng thuật ngữ không đúng, phát âm không rõ, giọng nói nhỏ. Người nghe không hiểu.	Bài trình bày đầy đủ. Giọng nói nhỏ, phát âm còn một số từ không rõ, sử dụng thuật ngữ phức tạp, chưa có tương tác với người nghe khi trình bày.	Phần trình bày có bố cục 3 phần rõ ràng. Giọng nói vừa phải, rõ ràng, dễ nghe, thời gian trình bày đúng quy định, tinh thần thoải mái có tương tác với người nghe. Người nghe có thể hiểu và kịp theo dõi nội dung trình bày.	Phần trình bày ngắn gọn, dễ hiểu. Sử dụng các thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Bố cục rõ ràng. Giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thời gian trình bày đúng quy định. Tương tác tốt với người nghe. Người nghe có thể hiểu được nội dung trình bày.	Phần trình bày ngắn gọn. Bố cục rõ ràng. Giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thu hút sự chú ý của người nghe, tương tác tốt với người nghe. Người nghe có thể hiểu và theo kịp tất cả nội dung trình bày. Thời gian trình bày đúng quy định.	25%

Quảng Trị, ngày 8 tháng 7 năm 2025

Trưởng khoa

KT. Trưởng bộ môn
P. Trưởng bộ môn phụ trách

Người biên soạn

TS. Vương Kim Thành

ThS Lương Thị Lan Huệ

ThS. Trương Thị Thu Hà

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Trình độ đào tạo: **ĐH**

Ngành:

Mã số:

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

1.1. Tên học phần: Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	1.2. Tên Tiếng Anh: (History of the communist party of vietnam)
1.3. Mã học phần: MLLCT.004	1.4. Số tín chỉ: 02
1.5. Phân bố thời gian:	
- Lý thuyết:	20 tiết
- Bài tập	0/0 tiết
- Tự học:	60 tiết
1.6. Các giảng viên phụ trách học phần:	
- Giảng viên phụ trách chính:	ThS. Trần Thị Mỹ Ngọc
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	TS.GVC. Nguyễn Văn Duy ThS. Trương Thị Thu Hà
1.7. Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Triết học
	Kinh tế chính trị
	Chủ nghĩa xã hội khoa học

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu chung

Cung cấp những tri thức có tính chất hệ thống, cơ bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1920-1930), sự lãnh đạo của Đảng đối với cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc, thiết lập chính quyền dân chủ nhân dân (1930-1945), các cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975), đối với công cuộc xây dựng, bảo vệ tổ quốc thời kỳ cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975- đến nay).

2.2. Mục tiêu cụ thể

2.2.1. Về kiến thức

Sinh viên hiểu những kiến thức cơ bản về: sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1920-1930), sự lãnh đạo của Đảng đối với cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc, thiết lập chính quyền dân chủ nhân dân (1930-1945), các cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975), đối với công cuộc xây dựng, bảo vệ tổ quốc thời kỳ cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975- đến nay).

2.2.2. Về kỹ năng

- Hình thành kỹ năng phân tích, đánh giá và giải quyết các vấn đề đặt ra, có phương pháp nhận thức biện chứng khách quan về quá trình Đảng ra đời và vai trò của Đảng trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc và công cuộc đổi mới đất nước hiện nay; phê phán những quan điểm sai trái về lịch sử Đảng, đồng thời giúp người học gắn

- Biết vận dụng những vấn đề lý luận để hiểu rõ và thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước trong công cuộc đổi mới đất nước hiện nay.

- Nhìn nhận một cách khách quan về vai trò lãnh đạo của Đảng trong sự nghiệp cách mạng của đất nước cũng như công cuộc đổi mới đất nước ở Việt Nam hiện nay.

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

4. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)

Bảng 2.Mối liên hệ giữa CLO và PLO

[illegible]

5. Đánh giá

a. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 3. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV

Thành phần đánh giá	Trọng số	Bài đánh giá	Trọng số con	Rubric (đánh dấu X nếu có)	Lquan đến CDR	Hướng dẫn phương pháp đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1. Chuyên cần, thái độ (CCTĐ)	5%	- Đánh giá toàn bộ quá trình - Đánh giá theo tiêu chí sau: + Tham gia đầy đủ, tích cực chuẩn bị bài; Tham gia các hoạt động trong giờ học; Hoàn thành bài tập theo yêu cầu của giảng viên		X	CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO 4 CLO 5 CLO 6	Quan sát, theo dõi, đánh giá
A2. Kiểm tra thường xuyên (KTTX)	35%	A2.1. Tuần 7: 2.1.3. Đẩy mạnh cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và can thiệp Mỹ đến thắng lợi (1951-1954). 2.1.4. Ý nghĩa lịch sử và kinh nghiệm của Đảng trong lãnh đạo kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ	50%	X	CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO 4 CLO 5 CLO 6	- Bài kiểm tra viết hoặc bài tập (Đáp ứng yêu cầu về nội dung bài tập, hình thức trình bày)
		A2.2. Tuần 15: 3.2.2. Tiếp tục công việc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế (1996-đến nay) 3.2.3. Thành tựu, kinh nghiệm của công cuộc đổi mới	50%			
A3. Đánh giá cuối kỳ	60%	- Thi tự luận, trắc nghiệm, tiểu luận, vấn đáp.	100%		CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO 4 CLO 5 CLO 6	-Thi viết, tiểu luận hoặc vấn đáp, trắc nghiệm

b. Yêu cầu đối với học phần

Sinh viên phải tham dự $\geq 80\%$ số buổi của HP. Nếu nghỉ $>20\%$ số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP.

6. Kế hoạch và nội dung giảng dạy

Bảng 4. Kế hoạch và nội dung giảng dạy theo tuần

Tuần/ Buổi (2 tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)	Số tiết (LT/ TH/ TT/ BT)	CĐR của bài học (chương)/ chủ đề	Lqua n đến CĐR	PP giảng dạy, tài liệu và cơ sở vật chất, thiết bị cần thiết để đạt CĐR	Hoạt động học của SV(*)	Tên bài đánh giá (cột 3 bản g 3)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Chương nhập môn: Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu và học tập môn Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam. 1.1. Đối tượng nghiên cứu môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam 1.2. Chức năng, nhiệm vụ của môn học lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam 1.3. Phương pháp nghiên cứu, học tập môn học lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2/0/ 0	SV hiểu được đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu và học tập môn Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam.	CLO1	- Phương pháp thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề... - GV sử dụng tài liệu, máy tính và projector để hướng dẫn	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung chương mở đầu, (tài liệu [1]) tr.3-15. - Phần chuẩn bị trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia xây dựng bài, trao đổi.	
2	Chương 1: Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930 -1945) 1.1. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và Cương Lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng 1.1.1. Bối cảnh	2/0/ 0	- SV nắm được bối cảnh lịch sử trong và ngoài nước cuối TK19 đầu TK20. - Phân tích vai trò của NAQ trong việc chuẩn bị các điều kiện về chính trị, tư tưởng, tổ chức cho việc	CLO1 CLO3	- PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề... - GV sử dụng tài liệu máy tính và projector để hướng dẫn	- Phần CB ở nhà: Đọc trước Chương 1(tài liệu [1]) tr.16-27. - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi; thuyết trình, phản biện.	

	lịch sử. 1.1.2. Nguyễn Ái Quốc chuẩn bị các điều kiện để thành lập Đảng.		thành lập Đảng cộng sản Việt Nam.				
3	Tiếp chương 1: 1.1.3. Thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương Lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng. 1.1.4. Ý nghĩa lịch sử của việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.	2/0/0	- Sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam và cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng. - Phân tích được nội dung cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng. Từ đó rút ra giá trị của cương lĩnh. - Nêu được ý nghĩa của việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.	CLO1 CLO2	- PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề, - GV sử dụng tài liệu máy tính và projector để hướng dẫn	- Phần CB ở nhà: Đọc trước Chương 1(tài liệu [1]) tr.28 - 33. - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép. * Bài tập: Trình bày Hội nghị thành lập Đảng?	
4	Tiếp chương 1: 1.2. Đảng lãnh đạo quá trình đấu tranh giành chính quyền (1930-1945) 1.2.1. Phong trào cách mạng 1930-1935 và khôi phục phong trào (1932-1935)	2/0/0	- Hoàn cảnh lịch sử Luận cương chính trị tháng 10.1930. - Hiểu được nội dung cơ bản của Luận cương chính trị và thấy được sự khác nhau giữa Luận cương chính trị với Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng. - Nêu được chủ trương khôi phục tổ chức và phong trào cách mạng. - Đại hội Đảng lần I, tháng 3.1935.	CLO1 CLO2 CLO3	- PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề, - GV sử dụng tài liệu máy tính và projector để hướng dẫn	- Phần CB ở nhà: Đọc trước Chương 1(tài liệu [1]) tr.33 - 39. -Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi; thuyết trình, trao đổi, phản biện. * Bài tập: Tại sao Xô Viết-Nghệ Tĩnh là đỉnh cao của cao trào cách mạng 1930 – 1931?	

5	1.2.2. Phong trào dân chủ (1936-1939) 1.2.3. Phong trào giải phóng dân tộc (1939-1945) 1.2.4. Tính chất, ý nghĩa và kinh nghiệm của cuộc Cách mạng tháng Tám năm 1945.	2/0/0	- Hoàn cảnh lịch sử và chủ trương của Đảng giai đoạn 1936-1939. - Hoàn cảnh lịch sử và chủ trương chiến lược mới của Đảng giai đoạn 1939 – 1945. - Nhận diện được tình thế cách mạng và thời cơ cách mạng. - Đánh giá được vai trò của Đảng trong việc chớp thời cơ, phát động Tổng khởi nghĩa giành chính quyền. - Nắm được tính chất, ý nghĩa và kinh nghiệm của cách mạng Tháng Tám.	CLO1 CLO2 CLO3	- PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề, - GV sử dụng tài liệu máy tính và projector để hướng dẫn	Phần CB ở nhà: Đọc trước Chương 1(tài liệu [1]) tr.40 – 62. - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi; thuyết trình, trao đổi, phản biện. * Bài tập: Trình bày đường lối chỉ đạo chuyển hướng chiến lược 1939 – 1945?	
6	Chương 2: Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975) 2.1. Đảng lãnh đạo xây dựng, bảo vệ chính quyền cách mạng và kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945-1954)	2/0/0T	- Hiểu được chủ trương và các biện pháp của Đảng để giải quyết những khó khăn sau CMT8. - Phân tích được vai trò của Đảng ta trong quá trình lãnh đạo đấu tranh, bảo vệ chính quyền. - Trình bày được nguyên	CLO1 CLO2 CLO3	- PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề, - GV sử dụng tài liệu máy tính và projector để hướng dẫn	Phần CB ở nhà: Đọc trước Chương 2(tài liệu [1]) tr.63 – 79. - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi; thuyết trình, trao đổi, phản biện. * Bài tập: trình bày nội dung đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp của	

	2.1.1. Xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng (1945-1946) 2.1.2. Đường lối kháng chiến toàn quốc và quá trình tổ chức thực hiện (1946 – 1950)		nhân bùng nổ, nội dung, ý nghĩa của đường lối kháng chiến chống Pháp giai đoạn 1946-1950. - Phân tích được yêu cầu và nội dung bổ sung, phát triển đường lối trong giai đoạn 1951-1954 và ý nghĩa thực tiễn của phương châm kháng chiến.			Đảng ta giai đoạn (1946 - 1950)?	
7	Tiếp chương 2: 2.1.3. Đẩy mạnh cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và can thiệp Mỹ đến thắng lợi (1951-1954) 2.1.4. Ý nghĩa lịch sử và kinh nghiệm của Đảng trong lãnh đạo kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ.	2/0/0	- Trình bày những kết quả đạt và ý nghĩa lịch sử và kinh nghiệm của Đảng trong lãnh đạo kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ.	CLO1 CLO2 CLO3	- PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề. - GV sử dụng tài liệu máy tính và projector để hướng dẫn.	Phần CB ở nhà: Đọc trước Chương 2(tài liệu [1]) tr.79 – 87 . * Bài tập:Trình bày ý nghĩa lịch sử và kinh nghiệm của Đảng trong lãnh đạo kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ?	A2.1
8	Tiếp chương 2: 2.2. Đảng lãnh đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (1954-1975) 2.2.1. Sự lãnh	2/0/0	- Phân tích được đặc điểm cơ bản của cách mạng Việt Nam giai đoạn mới - Nhận thức được quá trình hình thành và đánh giá nội dung đường lối và	CLO1 CLO2 CLO3	- PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề. - GV sử dụng tài liệu máy tính và projector để hướng dẫn.	Phần CB ở nhà: Đọc trước Chương 2(tài liệu [1]) tr.89 – 102. - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi; thuyết trình, trao đổi, phản biện.	

	đạo của Đảng với cách mạng hai miền Nam – Bắc (1954-1965)		kết quả và hạn chế trong công cuộc xây dựng CNXH ở MB giai đoạn 1954 - 1965.				
9	Tiếp chương 2: 2.2.2. Đảng lãnh đạo cách mạng cả nước (1965-1975) 2.2.3. Ý nghĩa lịch sử và kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng thời kỳ 1954-1975	2/0/0	- Hiểu được chủ trương của Đảng trong lãnh đạo cách mạng hai miền giai đoạn 1965 - 1975 - Trình bày được ý nghĩa lịch sử, kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng thời kỳ 1954 – 1975.	CLO1 CLO2 CLO3	- PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề, - GV sử dụng tài liệu máy tính và projector để hướng dẫn	Phần CB ở nhà: Đọc trước Chương 2(tài liệu [1]) tr. 102 – 118. - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi; phản biện.	
10	Chương 3: Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975- đến nay) 3.1. Lãnh đạo cả nước lãnh đạo cả nước xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ tổ quốc (1975-1986) 3.1.1. Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc (1975-1981) 3.1.2. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng và các bước đột phá tiếp tục đổi mới kinh tế 1982 – 1986	2/0/0	- Phân tích được hoàn cảnh lịch sử nước ta sau 1975 - Phân tích nội dung cơ bản và đánh giá đường lối Đại hội IV - Nhận biết được kết quả - hạn chế của công cuộc xây dựng CNXH và BVTQ giai đoạn 1976 – 1981.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	- PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề, - GV sử dụng tài liệu máy tính và projector để hướng dẫn	Phần CB ở nhà: Đọc trước Chương 3(tài liệu [1]) tr. 119– 131. - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi; thuyết trình, trao đổi, phản biện. * Bài tập: So sánh nội dung cơ bản của Đại hội IV và ĐH V của Đảng?	
11	Tiếp chương 3:	2/0/0	-Trình bày	CLO1	- PP thuyết	Phần CB ở nhà:	

	3.2. Lãnh đạo công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế (1986- đến nay) 3.2.1. Đổi mới toàn diện, đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội 1986-1996.	0	được hoàn cảnh lịch sử diễn ra ĐH và hiểu được nội dung cơ bản của Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH. - Hiểu được nội dung cơ bản của Hội nghị Trung ương 3 (6/1992) và Hội nghị giữa nhiệm kỳ (1/1994). Phân tích được kết quả và hạn chế trong việc thực hiện kế hoạch 5 năm (1991 - 1995).	CLO2 CLO3 CLO4	trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề, - GV sử dụng tài liệu máy tính và projector để hướng dẫn	Đọc trước Chương 3(tài liệu [1]) tr.131–144. - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi; thuyết trình, trao đổi, phản biện. * Bài tập: So sánh nội dung cơ bản ĐH VI và ĐH VII của Đảng?	
12	Tiếp chương 3: 3.2.2.Tiếp tục công việc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế (1996- đến nay)	2/0/0	- Trình bày được bối cảnh lịch sử diễn ra Đại hội VIII và nội dung cơ bản, ý nghĩa của ĐHĐB toàn quốc lần thứ VIII. - Trình bày được bối cảnh lịch sử Đại hội IX và nắm được nội dung cơ bản, ý nghĩa của ĐHĐB toàn quốc lần thứ IX.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	- PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề, - GV sử dụng tài liệu máy tính và projector để hướng dẫn	Phần CB ở nhà: Đọc trước Chương 3(tài liệu [1]) tr.144 – 157 - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi; thuyết trình, trao đổi, phản biện.	
13	Tiếp chương 3: 3.2.2.Tiếp tục công việc đổi	2/0/0	- Hiểu được hoàn cảnh lịch sử, những	CLO1 CLO2 CLO3	- PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải	Phần CB ở nhà: Đọc trước Chương 3(tài	

	mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế (1996- đến nay)		quan điểm và chủ trương mới của Đảng ở Đại hội X.	CLO4	quyết vấn đề, - GV sử dụng tài liệu máy tính và projector để hướng dẫn	liệu [1]) tr.157 – 171 . * Bài tập: So sánh nội dung cơ bản ĐH VIII và ĐH IX của Đảng?	
14	Tiếp chương 3: 3.2.2.Tiếp tục công việc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế (1996- đến nay)	2/0/0	- Trình bày được hoàn cảnh lịch sử và nội dung cơ bản, những điểm mới của <i>Cương lĩnh 2011</i> và <i>Chiến lược phát triển kinh tế-xã hội 2011-2020</i> . - Hiểu được hoàn cảnh lịch sử và những nội dung cơ bản của Đại hội XII và ĐH XIII của Đảng.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	- PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề, - GV sử dụng tài liệu máy tính và projector để hướng dẫn	Phần CB ở nhà: Đọc trước Chương 3(tài liệu [1]) tr. 172– 199. - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi; thuyết trình, trao đổi, phản biện. * Bài tập: So sánh nội dung cơ bản ĐH XII và ĐHXIII của Đảng?	
15	Tiếp chương 3: 3.2.2.Tiếp tục công việc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế (1996- đến nay) 3.2.3. Thành tựu, kinh nghiệm của công cuộc đổi mới	2/0/0	Nhận thức được thành tựu, kinh nghiệm của công cuộc đổi mới.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	- PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề, - GV sử dụng tài liệu máy tính và projector để hướng dẫn	Phần CB ở nhà: Đọc trước Chương 3(tài liệu [1]) tr.200 – 222. - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi; thuyết trình, trao đổi, phản biện	A2. 2
Theo lịch thi	Thi cuối kỳ			CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6			A3

7. Học liệu

Bảng 5. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/ nơi ban hành VB
	Giáo trình chính			
1	TS. Nguyễn Văn Duyệt Th.S. Trần Thị Mỹ Ngọc	2023	Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (Dành cho bậc đại học không chuyên lý luận chính trị)	Giáo trình nội bộ Trường ĐHQG
	Sách, giáo trình tham khảo			
3	Bộ Giáo dục Đào tạo	2021	Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (Dành cho bậc đại học chuyên lý luận chính trị)	Chính trị Quốc gia Sự thật
4	Bộ Giáo dục Đào tạo	2021	Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (Dành cho bậc đại học không chuyên lý luận chính trị)	Chính trị Quốc gia Sự thật
5	Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn Giáo trình Quốc gia các môn Khoa học Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh	2018	Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (tái bản có sửa chữa, bổ sung)	Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội

8. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy

Bảng 6. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN, TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	Giảng đường A hoặc Giảng đường C	Máy tính, projector	1	Chương mở đầu đến chương 3

9. Rubric đánh giá

Rubric 1: Chuyên cần (Class Attendance)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Chuyên cần	Đi học < 40%	40% <= Đi học < 55%	55% <= Đi học < 70%	70% <= Đi học < 85%	Đi học >= 85%	60%
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động	Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng góp cho bài	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp.	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài	Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao	40%

	gì tại lớp	học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả.	Phát biểu ít khi có hiệu quả.	học. Các đóng góp cho bài học thường hiệu quả.	đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả.	
--	------------	---------------------------------------	-------------------------------	--	--	--

Rubric 2: Bài tập (Work Assignment)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Nộp bài tập	Không nộp bài tập hoặc hoàn thành <30% khối lượng công việc được giao	Nộp bài tập hoàn thành <50% khối lượng công việc được giao. Chưa đúng thời gian quy định.	Nộp bài tập hoàn thành <70% khối lượng công việc được giao. Một số bài tập nộp chưa đúng thời gian quy định.	Nộp bài tập hoàn thành <90% khối lượng công việc được giao. Hầu hết bài tập nộp đúng thời gian quy định.	Nộp bài tập đầy đủ >=90% số lượng được giao). Đúng thời gian quy định.	20%
Trình bày bài tập	Kém	Còn rất nhiều lỗi	Còn nhiều lỗi	Tương đối tốt	Rất tốt	30%
Nội dung bài tập	Không có bài tập	Nội dung bài tập không đầy đủ, một số không đúng theo yêu cầu nhiệm vụ.	Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với yêu cầu nhiệm vụ nhưng chưa hợp lý. Còn một số sai sót.	Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Nội dung đúng, rõ ràng.	Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ.	50%

Trưởng khoa

Quảng Trị, ngày 8 tháng 7 năm 2025
KT. Trưởng bộ môn Người biên soạn
P. Trưởng bộ môn phụ trách

TS. Vương Kim Thành

ThS. Lương Thị Lan Huệ

TS. Nguyễn Văn Duy

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Trình độ đào tạo: ĐH

Ngành:

Mã số:

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

1.1. Tên học phần: Pháp luật đại cương	1.2. Tên tiếng Anh: General law
1.3. Mã học phần: MLPLDC.044	1.4. Số tín chỉ: 02
1.5. Phân bố thời gian:	
- Lý thuyết:	30 tiết
- Thực hành/ Thực tập:	0/0 tiết
- Tự học:	60 tiết
1.6. Các giảng viên phụ trách học phần:	
- Giảng viên phụ trách chính:	ThS. Phùng Thị Loan
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	ThS. Phan Thị Thu Hiền ThS. Phan Phương Nguyên ThS. Dương Thị Hồng Thuận
1.7. Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Không có
- Học phần học trước:	
- Học phần song hành:	

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu chung

Những vấn đề lý luận chung về nhà nước, pháp luật; áp dụng được các quy định cơ bản của hệ thống pháp luật Việt Nam; khai thác được các cơ sở dữ liệu pháp luật phổ biến; trang bị khả năng tự cập nhật kiến thức pháp luật cơ bản; hình thành ý thức pháp luật, có trách nhiệm công dân.

2.2. Mục tiêu cụ thể

2.2.1. Về kiến thức

Kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật, những vấn đề cơ bản về quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam để thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ của công dân.

2.2.2. Về kỹ năng

Kỹ năng tiếp cận thực tiễn, có khả năng vận dụng những kiến thức đã học để tìm hiểu, nghiên cứu và độc lập phân tích các hoạt động, các hiện tượng chính trị - pháp lý trong xã hội.

2.2.3. Về thái độ

Hình thành ý thức sống và làm việc theo pháp luật, biết cách ứng xử, chấp hành tốt các chính sách của nhà nước cũng như các quy định của pháp luật, có ý thức đầy đủ về bổn phận và nghĩa vụ của một công dân đối với quốc gia, góp phần bảo đảm trật tự xã hội.

3. Chuẩn đầu ra (CLO)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra của HP

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO
CLO1	Lý giải được những vấn đề cơ bản về nhà nước và pháp luật.
CLO2	Phân tích được kiến thức cơ bản liên quan đến quy phạm pháp luật, cơ chế điều chỉnh của pháp luật.
CLO3	Vận dụng được kiến thức về hệ thống pháp luật Việt Nam hiện nay; các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam để giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tiễn.
CLO4	Nhận diện, đánh giá được các tình huống pháp lý; kỹ năng tư duy logic và giải quyết vấn đề, làm việc nhóm, trình bày vấn đề, kỹ năng phản biện, tự nghiên cứu để tạo nền tảng cho khả năng học tập suốt đời
CLO5	Thái độ tôn trọng và chấp hành tôn trọng pháp luật; có ý thức trách nhiệm công dân.

4. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO để đạt được PLO được xác định cụ thể qua bảng sau:

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO và PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
CLO 1	A									I	R	M
CLO 2	A									I	R	M
CLO 3	R									I	R	M
CLO 4	A									I	R	M
CLO 5	A									I	R	M
CLO 6	A									I	R	M
Tổng hợp học phần	A									I	R	M

Ghi chú: I: mức giới thiệu/bắt đầu; R: mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...; M: mức thuần thục/thông hiểu; A: hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO, cần được thu thập minh chứng để đánh giá CDR CTĐT.

5. Đánh giá

a. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 3. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV

Thành phần đánh giá	Trọng số	Bài đánh giá	Trọng số con	Rubric (đánh dấu X nếu có)	Lquan đến CDR nào ở bảng 4.1	Hướng dẫn phương pháp đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1. Chuyên cần, thái độ (CCTĐ)	5%	- Đánh giá tất cả các bài từ Chương 1 đến Chương 5 - Đánh giá theo tiêu chí sau: + Tham gia đầy đủ, tích cực chuẩn bị bài		X	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	- Điểm danh - Quan sát, theo dõi

		+ Tham gia các hoạt động trong giờ học + Hoàn thành bài tập theo yêu cầu của giảng viên				
A2. Đánh giá quá trình	35%	A2.1. Tuần 7: Chương 4. Cơ chế điều chỉnh của pháp luật	50%	X	CLO2, CLO4, CLO5	- Bài kiểm tra viết hoặc bài tập (Đáp ứng yêu cầu về nội dung bài tập, hình thức trình bày và nội dung).
		A2.2. Tuần 14 Chương 5. Hệ thống pháp luật Việt Nam	50%		CLO3, CLO4, CLO5	
A3. Đánh giá cuối kỳ	60%	- Chương 1. Những kiến thức cơ bản về nhà nước - Chương 2. Những kiến thức cơ bản về pháp luật - Chương 3. Quy phạm pháp luật và hệ thống văn bản quy phạm pháp luật ở Việt Nam hiện nay - Chương 4. Cơ chế điều chỉnh của pháp luật - Chương 5. Hệ thống pháp luật Việt Nam			CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	- Thi tự luận - Thi vấn đáp - Tiểu luận - Trắc nghiệm

b. Yêu cầu đối với học phần

Sinh viên phải tham dự $\geq 80\%$ số buổi của HP. Nếu nghỉ $> 20\%$ số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP.

6. Kế hoạch và nội dung giảng dạy

Bảng 4. Kế hoạch và nội dung giảng dạy theo tuần

Tuần / Buổi (2 tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)	Số tiết (LT/TH/TT)	CĐR của bài học (chương)/ chủ đề	Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1	PP giảng dạy, tài liệu và cơ sở vật chất, thiết bị cần thiết để đạt CĐR	Hoạt động học của SV(*)	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 5.1)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Chương 1. Những kiến thức cơ bản về nhà nước 1.1 Nguồn gốc, dấu hiệu và bản chất của nhà nước 1.1.1 Nguồn gốc của nhà nước 1.1.2 Bản chất và chức năng của nhà nước 1.1.3 Những dấu	2/0/0	- Giải thích được khái niệm nhà nước, các nguyên nhân dẫn đến sự ra đời của nhà nước cũng như dấu hiệu và bản chất của nhà nước. - Giải thích	CLO1 CLO4	- Phương pháp: Thuyết trình, nêu vấn đề, làm bài tập... - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector	- Phân chuẩn bị ở nhà: Đọc trước chương 2, tài liệu [1]. - Phân chuẩn bị trên lớp: Nghe giảng, ghi chép, tham gia xây dựng bài, trao đổi; thuyết trình, báo cáo, phản	

	hiệu cơ bản của nhà nước 1.2 Các kiểu và hình thức nhà nước 1.2.1 Các kiểu nhà nước 1.2.2 Các hình thức nhà nước 1.3 Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam 1.3.1 Bản chất của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam 1.3.2 Chức năng của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam 1.3.3 Hình thức Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam 1.3.4 Bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam		được các kiểu và hình thức nhà nước - Phân tích được bản chất của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.		để hướng dẫn	biện.	
2	Chương 2. Những vấn đề cơ bản về pháp luật 2.1 Khái niệm, bản chất của pháp luật 2.1.1 Nguồn gốc của pháp luật 2.1.2 Khái niệm pháp luật 2.1.3 Bản chất của pháp luật 2.2 Các kiểu pháp luật 2.2.1 Pháp luật chủ nô 2.2.2 Pháp luật phong kiến 2.2.3 Pháp luật tư sản	2/0/0	- Phân tích được khái niệm và bản chất của pháp luật. - Giải thích được đặc điểm và bản chất của các kiểu pháp luật trong lịch sử.	CLO1 CLO4	- Phương pháp: Thuyết trình, nêu vấn đề, làm bài tập... - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước chương 3, tài liệu [1]. - Phần chuẩn bị trên lớp: Nghe giảng, ghi chép, tham gia xây dựng bài, trao đổi; thuyết trình, báo cáo, phản biện.	
3	Chương 3. Quy phạm pháp luật, các loại văn bản quy phạm pháp luật ở Việt Nam	2/0/0	- Phân tích được khái niệm, dấu hiệu của quy phạm pháp	CLO2 CLO4	- Phương pháp: Thuyết trình, nêu vấn đề, làm	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước chương 4, tài liệu [1]. - Phần chuẩn	

	hiện nay 3.1 Quy phạm pháp luật 3.1.1 Khái niệm quy phạm pháp luật 3.1.2 Cơ cấu của quy phạm pháp luật 3.2 Các văn bản quy phạm pháp luật ở Việt Nam hiện nay 3.2.1 Khái niệm văn bản quy phạm pháp luật 3.2.2 Các loại văn bản quy phạm pháp luật ở Việt Nam hiện nay 3.2.3 Hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật		luật. - Hiểu rõ được hệ thống văn bản quy phạm pháp luật ở Việt Nam hiện nay.		bài tập... - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn	bị trên lớp: Nghe giảng, ghi chép, tham gia xây dựng bài. * Bài tập: Lấy ví dụ về quy phạm pháp luật và phân tích cơ cấu của quy phạm pháp luật đó.	
4	Chương 4. Cơ chế điều chỉnh của pháp luật 4.1 Quan hệ pháp luật 4.1.1 Khái niệm 4.1.2 Đặc điểm của quan hệ pháp luật 4.1.3 Phân loại quan hệ pháp luật 4.1.4 Thành phần của quan hệ pháp luật 4.1.5 Khách thể của quan hệ pháp luật	2/0/0	- Phân tích được khái niệm và thành phần của quan hệ pháp luật.	CLO2 CLO4	- Phương pháp: Thuyết trình, nêu vấn đề, làm bài tập... - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước chương 4, tài liệu [1]. - Phần chuẩn bị trên lớp: Nghe giảng, ghi chép, tham gia xây dựng bài. * Bài tập: Lấy ví dụ về quan hệ pháp luật. Phân tích thành phần của quan hệ pháp luật đó.	
5	Chương 4: (tiếp theo) 4.2 Thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý 4.2.1 Thực hiện pháp luật	2/0/0	- Đánh giá chính xác vai trò của thực hiện pháp luật.	CLO2 CLO4	- Phương pháp: Thuyết trình, nêu vấn đề, làm bài tập... - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước chương 4, tài liệu [1]. - Phần chuẩn bị trên lớp: Nghe giảng, ghi chép, tham gia xây dựng bài. * Bài tập: Lấy ví dụ về các hình thức thực hiện pháp luật.	
6	Chương 4: (tiếp	2/0/0	- Vận dụng	CLO2	- Phương	- Phần chuẩn	

	theo) 4.2.2 Vi phạm pháp luật 4.2.3 Trách nhiệm pháp lý		được những hiểu biết về vi phạm pháp luật để xác định hành vi như thế nào là vi phạm pháp luật, từ đó xác định được trách nhiệm pháp lý.	CLO4	pháp: Thuyết trình, nêu vấn đề, làm bài tập... - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn	bị ở nhà: Đọc trước chương 4, tài liệu [1]. - Phần chuẩn bị trên lớp: Nghe giảng, ghi chép, tham gia xây dựng bài. * Bài tập: Lấy ví dụ về vi phạm pháp luật.	
7	Chương 4: (tiếp theo) 4.3 Ý thức pháp luật 4.3.1 Khái niệm 4.3.2 Cấu trúc của ý thức pháp luật XHCN 4.3.3 Mối quan hệ giữa ý thức pháp luật với pháp luật	2/0/0	- Hình thành ý thức pháp luật để thực hiện tốt trách nhiệm của công dân đối với xã hội.	CLO2 CLO4	- Phương pháp: Thuyết trình, nêu vấn đề, làm bài tập... - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước chương 4, tài liệu [1]. - Phần chuẩn bị trên lớp: Nghe giảng, ghi chép, tham gia xây dựng bài.	A2.1
8	Chương 4: (tiếp theo) 4.4 Cơ chế điều chỉnh pháp luật 4.4.1 Khái niệm 4.4.2 Các yếu tố của cơ chế điều chỉnh pháp luật	2/0/0	- Hiểu rõ các yếu tố tạo nên cơ chế điều chỉnh pháp luật.	CLO2 CLO4	- Phương pháp: Thuyết trình, nêu vấn đề, làm bài tập... - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước chương 4, tài liệu [1]. - Phần chuẩn bị trên lớp: Nghe giảng, ghi chép, tham gia xây dựng bài.	
9	Chương 5. Hệ thống pháp luật Việt Nam 5.1 Hệ thống pháp luật Việt Nam 5.1.1 Khái niệm 5.1.2 Căn cứ để phân định ngành luật 5.2 Các ngành luật	2/0/0	- Phân tích được các yếu tố tạo nên hệ thống pháp luật Việt Nam. - Vận dụng được kiến thức về Luật	CLO3 CLO4 CLO5	- Phương pháp: Thuyết trình, nêu vấn đề, làm bài tập... - GV sử dụng tài liệu [1],	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước chương 5, tài liệu [1]. - Phần chuẩn bị trên lớp: - Phần chuẩn bị trên lớp: Nghe giảng,	

	trong hệ thống pháp luật Việt Nam 5.2.1 Luật hiến pháp		hiến pháp trong hệ thống pháp luật Việt Nam để giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tiễn.		máy tính và projector để hướng dẫn	ghi chép, tham gia xây dựng bài. * Bài tập: Phân tích các căn cứ phân định ngành luật.	
10	Chương 5: (tiếp theo) 5.2.2 Luật hành chính	2/0/0	- Vận dụng được kiến thức về Luật hành chính trong hệ thống pháp luật Việt Nam để giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tiễn.	CLO3 CLO4 CLO5	- Phương pháp: Thuyết trình, nêu vấn đề, làm bài tập... - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước chương 5, tài liệu [1]. - Phần chuẩn bị trên lớp: Nghe giảng, ghi chép, tham gia xây dựng bài. * Bài tập: Phân tích dấu hiệu của vi phạm hành chính. Lấy ví dụ minh họa.	
11	Chương 5: (tiếp theo) 5.2.3 Luật dân sự	2/0/0	- Vận dụng được kiến thức về Luật dân sự trong hệ thống pháp luật Việt Nam để giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tiễn.	CLO3 CLO4 CLO5	- Phương pháp: Thuyết trình, nêu vấn đề, làm bài tập... - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước chương 5, tài liệu [1]. - Phần chuẩn bị trên lớp: Nghe giảng, ghi chép, tham gia xây dựng bài. * Bài tập: Phân tích đặc điểm của quan hệ pháp luật dân sự.	
12	Chương 5: (tiếp theo) 5.2.4 Luật hôn nhân và gia đình	2/0/0	- Vận dụng được kiến thức về Luật hôn nhân và gia đình trong hệ thống pháp luật Việt Nam để giải quyết các	CLO3 CLO4 CLO5	- Phương pháp: Thuyết trình, nêu vấn đề, làm bài tập... - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước chương 5, tài liệu [1]. - Phần chuẩn bị trên lớp: Nghe giảng, ghi chép, tham gia xây dựng bài.	

			tình huống phát sinh trong thực tiễn.		và projector để hướng dẫn	* Bài tập: Phân tích điều kiện kết hôn theo quy định của văn bản pháp luật hiện hành.	
13	Chương 5: (tiếp theo) 5.2.5. Luật lao động 5.2.6 Luật hình sự * Bài tập: Lấy ví dụ về các loại tội phạm.	2/0/0	- Vận dụng được kiến thức về Luật lao động và Luật hình sự trong hệ thống pháp luật Việt Nam để giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tiễn.	CLO3 CLO4 CLO5	- Phương pháp: Thuyết trình, nêu vấn đề, làm bài tập... - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước chương 5, tài liệu [1]. - Phần chuẩn bị trên lớp: Nghe giảng, ghi chép, tham gia xây dựng bài.	
14	Chương 5: (tiếp theo) 5.2.7 Pháp luật về tổ tụng * Bài tập: So sánh tổ tụng dân sự và tổ tụng hình sự.	2/0/0	- Vận dụng được kiến thức pháp luật về tố tụng trong hệ thống pháp luật Việt Nam để giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tiễn.	CLO3 CLO4 CLO5	- Phương pháp: Thuyết trình, nêu vấn đề, làm bài tập... - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước chương 5, tài liệu [1]. - Phần chuẩn bị trên lớp: Nghe giảng, ghi chép, tham gia xây dựng bài.	A2.2
15	Chương 5: (tiếp theo) 5.2.8 Một số ngành luật khác	2/0/0	- Vận dụng được kiến thức về Luật đất đai, kinh tế, quốc tế... trong hệ thống pháp luật Việt Nam để giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tiễn.	CLO3 CLO4 CLO5	- Phương pháp: Thuyết trình, nêu vấn đề, làm bài tập... - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn	- Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước chương 5, tài liệu [1]. - Phần chuẩn bị trên lớp: Nghe giảng, ghi chép, tham gia xây dựng bài.	

Theo lịch thi	Thi cuối kì		- Giải thích được những kiến thức về nhà nước và pháp luật. - Vận dụng được các quy định cơ bản của hệ thống pháp luật Việt Nam vào giải quyết các tình huống trong thực tiễn.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5			A3

7. Học liệu

Bảng 5. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/ nơi ban hành VB
Giáo trình chính				
1	Phùng Thị Loan	2020	Pháp luật đại cương	Giáo trình lưu hành nội bộ, Trường Đại học Quảng Bình
Sách, giáo trình tham khảo				
1	Mai Hồng Quý	2013	Pháp luật đại cương	NXB ĐHSP, Hà Nội
2	Lê Minh Tâm, Nguyễn Minh Đoan (Chủ biên)	2019	Lý luận nhà nước và pháp luật	NXB CAND, Hà Nội
3	Nguyễn Thị Việt Hương (chủ biên)	2012	Lý luận nhà nước và pháp luật	NXB CAND, Hà Nội

8. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN, TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	Giảng đường A, C	Projector, máy tính cá nhân	1	Từ Chương 1 đến Chương 5

9. Rubric đánh giá:

Rubric 1: Chuyên cần (Class Attendance)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Chuyên cần	Không đi học (<30%).	Đi học không chuyên cần	Đi học khá chuyên cần (<70%).	Đi học chuyên cần (<90%).	Đi học đầy đủ, rất chuyên cần (100%).	50%

		(<50%).				
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động gì tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng góp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả.	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả.	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả.	Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả.	50%

Rubric 2: Bài tập (Work Assignment)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Nộp bài tập	Không nộp bài tập	Nộp 70% số lượng bài tập được giao. Thời gian nộp chậm hơn quy định 96 giờ trở lên.	Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao). Thời gian nộp chậm hơn quy định 48 giờ.	Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao). Thời gian nộp chậm hơn quy định 24 giờ.	Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao). Đúng thời gian quy định.	20%
Trình bày bài tập	Không có bài tập	Bài tập trình bày lộn xộn, không đúng yêu cầu về trình bày (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong bài tập không phù hợp.	Bài tập trình bày đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong bài tập rõ ràng, phù hợp. Còn một số lỗi nhỏ về trình bày (lỗi chính tả, nhầm lẫn ghi chú, kích thước).	Bài tập trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong bài tập rõ ràng, phù hợp. Ghi chú, giải thích đầy đủ, hợp lý.	Bài tập trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng), logic. Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong bài tập rõ ràng, khoa học. Ghi chú, giải thích cụ thể, hợp lý.	30%
Nội dung bài tập	Không có bài tập	Nội dung bài tập không đầy đủ, một số không đúng theo yêu cầu nhiệm vụ.	Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với yêu cầu nhiệm vụ nhưng chưa hợp lý. Còn một số sai sót.	Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Trình bày đúng, rõ ràng.	Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Trình bày logic, chi tiết và rõ ràng, hoàn toàn hợp lý.	50%

Quảng Trị, ngày 8 tháng 7 năm 205

Trưởng khoa

KT. Trưởng bộ môn

Người biên soạn

P. Trưởng bộ môn phụ trách

TS. Vương Kim Thành

ThS. Lương Thị Lan Huệ

ThS Phùng Thị Loan

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: Giáo dục tiểu học

Mã số: 7140202

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung

1.1. Tên học phần: Đạo đức và phương pháp giáo dục đạo đức ở tiểu học	1.2. Tên tiếng Anh: Ethics and ethical education methods in elementary schools
1.3. Mã học phần: MLDDTH.045	1.4. Số tín chỉ: 02
1.5. Phân bố thời gian:	
- Lý thuyết:	22 tiết
- Thực hành:	8 tiết (8 x 2 = 16 tiết)
- Tự học:	60 tiết
1.6. Các giảng viên phụ trách học phần:	
- Giảng viên phụ trách chính:	ThS. Lương Thị Lan Huệ
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	ThS. Phan Thị Thu Hà ThS. Nguyễn Thị Như Nguyệt
1.7. Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Không
- Học phần học trước:	Không
- Học phần song hành:	Không

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu chung

Học phần Đạo đức và phương pháp giáo dục đạo đức ở Tiểu học bao gồm: Một số vấn đề cơ bản về đạo đức; Đạo đức học là một khoa học; Vị trí, mục tiêu, đặc điểm môn Đạo đức; Nội dung môn Đạo đức; Phương pháp, phương tiện giáo dục đạo đức và dạy học môn Đạo đức; Hình thức tổ chức dạy học môn Đạo đức; Kiểm tra và đánh giá kết quả học tập môn Đạo đức.

2.2. Mục tiêu cụ thể

2.2.1. Về kiến thức

Trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản về đạo đức, chương trình môn đạo đức ở tiểu học và các phương pháp, thiết kế bài giảng đạo đức theo định hướng phát triển năng lực học sinh

2.2.2. Về kỹ năng

Thông qua nội dung các chương giúp sinh viên hình thành, rèn luyện, phát triển các kỹ năng phân tích chương trình, ý năng thiết kế bài giảng, kỹ năng thuyết trình, dẫn

dắt vấn đề, kỹ năng vận dụng các phương pháp và hình thức giáo dục đạo đức cho học sinh tiểu học sau này.

2.2.3. Về thái độ, năng lực tự chủ và trách nhiệm

Giáo dục cho người học ý thức sống theo chuẩn mực đạo đức. Bồi đắp tình yêu đối với đạo đức và trách nhiệm, nhiệt huyết của người học trong việc giáo dục và tự giáo dục đạo đức trong cuộc sống hàng ngày để trở thành người thầy giáo có đức có tài, sống giản dị, mẫu mực, làm gương cho học sinh sau này. Đồng thời, nâng cao ý thức vận dụng các phương pháp và hình thức giáo dục đạo đức phù hợp trong quá trình giảng dạy trong tương lai.

3. Chuẩn đầu ra (CLO)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra của HP

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO
CLO1	Sinh viên ghi nhớ, hiểu được các kiến thức cơ bản về đạo đức, tâm sinh lý học sinh tiểu học, các phương pháp dạy học đạo đức ở tiểu học theo định hướng phát triển năng lực người học.
CLO2	Sinh viên phân tích, đánh giá được nội dung chương trình môn đạo đức ở tiểu học. Hiểu biết sâu sắc về vị trí, mục tiêu, sự cần thiết của môn đạo đức ở tiểu học, các phương tiện, cách thức kiểm tra, đánh giá môn học.
CLO3	Sinh viên áp dụng được kiến thức đã học, kiến thức liên ngành vào việc nghiên cứu, học tập môn học
CLO4	Sinh viên có kỹ năng vận dụng kiến thức đã học vào dạy học thực tiễn. Có kỹ năng thiết kế bài giảng và thực hành giảng dạy tốt.
CLO5	Sinh viên có kỹ năng giải quyết vấn đề, làm việc nhóm, trình bày vấn đề, kỹ năng phản biện, tự nghiên cứu các nội dung về việc giáo dục đạo đức ở trường tiểu học.
CLO6	Sinh viên có phẩm chất đạo đức tốt đẹp là tấm gương mẫu mực trong cuộc sống. Yêu thương, tương trợ, tích cực tham gia các hoạt động xã hội.
CLO7	Có ý thức tự chủ, chủ động trong học tập, có tác phong đạo đức nhà giáo.

4. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO để đạt được PLO được xác định cụ thể qua bảng sau:

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO và PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
CLO1	I									I		
CLO2		R					R					

CLO3					M						M	
CLO4	R		R			M						
CLO5									R		R	
CLO6		R			M							
CLO7			R			M			M		M	
Tổng hợp học phần	R		R		M	M	R	I	R	M		R

Ghi chú: I: mức giới thiệu/bắt đầu; R: mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...; M: mức thuần thục/thông hiểu; A: hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO, cần được thu thập minh chứng để đánh giá CDR CTĐT.

5. Đánh giá

a. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 3. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV

Thành phần đánh giá	Trọng số	Bài đánh giá	Trọng số con	Rubric (đánh dấu X nếu có)	Lquan đến CDR nào ở bảng 4.1	Hướng dẫn phương pháp đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1. Chuyên cần, thái độ (CCTĐ)	5%	- Đánh giá tất cả các bài từ Chương 1 đến Chương 5 - Đánh giá theo tiêu chí sau: + Tham gia đầy đủ, tích cực chuẩn bị bài + Tham gia các hoạt động trong giờ học + Hoàn thành bài tập theo yêu cầu của giảng viên		X	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5; CLO6, CLO7	Quan sát, theo dõi, điểm danh
A2. Kiểm tra thường xuyên (KTTX)	35%	A2.1. Tuần 10 Chương 1. Một số vấn đề cơ bản về đạo đức Chương 2: Đạo đức là một khoa học Chương 3: Môn Đạo đức ở tiểu học	30%	X	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4.	Kiểm tra viết (cá nhân) Thực hành dạy

		A2.2. Tuần 14 Chương 4: Phương pháp giáo dục đạo đức ở tiểu học Chương 5. Phương pháp, phương tiện dạy học và hình thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập môn đạo đức ở tiểu học	30%	X	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5; CLO6, CLO7	học (cá nhân hoặc nhóm) - Thi tự luận - Thi vấn đáp
		Đánh giá toàn bộ nội dung chương trình (4 chương)			CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5; CLO6, CLO7	
A3. Đánh giá cuối kỳ	60%	Đánh giá toàn bộ nội dung chương trình (3 chương)	100%		CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO 4 CLO 5 CLO 6	- Thi tự luận - Thi vấn đáp - Tiểu luận - Trắc nghiệm

b. Yêu cầu đối với học phần

Sinh viên phải tham dự $\geq 80\%$ số buổi của HP. Nếu nghỉ $> 20\%$ số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP.

6. Kế hoạch và nội dung giảng dạy

Bảng 4. Kế hoạch và nội dung giảng dạy theo tuần

Tuần / Buổi (2 tiết/b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)	Số tiết (LT/ BT)	CDR của bài học (chương)/ chủ đề	Lquan đến CDR nào ở bảng 4.1	PP giảng dạy, tài liệu và cơ sở vật chất, thiết bị cần thiết để đạt CDR	Hoạt động học của SV(*)	Tên bài đánh giá (ở cột 3 bảng 5.1
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)

1	Chương 1: Một số vấn đề cơ bản về đạo đức 1.1 Khái niệm đạo đức 1.2 Chức năng của đạo đức 1.3 Những phẩm chất đạo đức cơ bản của con người Việt Nam	(02 LT)	1.1 - Hiểu được sự khác biệt giữa đạo đức và đạo đức học; Nguồn gốc, chức năng của đạo đức. 1.2 Phân tích được các phẩm chất đạo đức của con người Việt Nam.	CLO1 CLO2,C LO3;CL O4	- GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn Hình thức: Lên lớp, trải nghiệm Phương pháp: Thuyết trình nêu vấn đề, thực hành; hỏi đáp, tự học	<u>Phần chuẩn bị ở nhà:</u> - Đọc trước nội dung bài học <u>Phần chuẩn bị trên lớp:</u> * Bài tập: - Đóng vai giáo viên lên lớp giao tiếp với lớp học (5 phút)/sv	
2	1.3 Những phẩm chất đạo đức cơ bản của con người Việt Nam (tiếp) Chương 2: Đạo đức là một khoa học 2.1. Đối tượng của đạo đức học 2.2. Một số phạm trù cơ bản của đạo đức học	(02 LT)	2.1 Hiểu biết đối tượng nghiên cứu của Đạo đức học. 2.2 Trình bày được các phạm trù cơ bản của đạo đức	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5; CLO6, CLO7	Phương pháp hỏi đáp, phương pháp thuyết trình, bài tập nhóm, đàm thoại	<u>Phần chuẩn bị ở nhà:</u> - Đọc trước tài liệu <u>Phần chuẩn bị trên lớp:</u> -Bài tập: Thuyết trình về một số phạm trù đạo đức học	
3	2.2. Một số phạm trù cơ bản của đạo đức học (tiếp) Chương 3:	(02 LT)	3.1 Trình bày, phân tích được vị trí môn Đạo đức ở tiểu học.	CLO3; CLO4; CLO5; CLO6; CLO7	Phương pháp quan sát; phân tích; phương pháp	<u>Phần chuẩn bị ở nhà:</u> - Sách Đạo đức từ lớp 1 đến lớp 5. - Đọc, nghiên cứu	

	Môn đạo đức ở tiểu học 3.1. Vị trí môn Đạo đức ở tiểu học				hình mẫu; thuyết trình, hỏi đáp	trước nội dung bài học. <u>Phân chuẩn bị trên lớp:</u> - Quan sát, ghi chép, trao đổi, nhận xét phần thực hành của bạn.	
4	3.2. Mục tiêu môn Đạo đức ở tiểu học 3.3. Đặc điểm môn Đạo đức ở tiểu học 3.4 Nội dung chương trình môn Đạo đức ở tiểu học	(2 LT)	3.2 Nêu được mục tiêu chương trình môn Đạo đức ở tiểu học. 3.3, 3.4. Hiểu được đặc điểm nội dung môn môn Đạo đức ở tiểu học	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5; CLO6; CLO7	- GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn - Phương pháp: thuyết trình nêu vấn đề, phương pháp nghiên cứu tài liệu; phương pháp sơ đồ mạng nhện.	<u>Phân chuẩn bị bài ở nhà:</u> - Nghiên cứu trước nội dung chương trình môn Đạo đức ở tiểu học <u>Phân chuẩn bị trên lớp:</u> - SV chia sẻ thông tin về các nội dung đã nghiên cứu. - Phân tích, lấy ví dụ minh họa về mục tiêu dạy học môn Đạo đức.	A1.1
	Chương 4: Phương pháp giáo dục đạo đức ở tiểu học	(02 LT)	4.1 Trình bày được sự cần thiết phải giáo dục đạo đức cho học sinh	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5;	Phương pháp nghiên cứu tài liệu;	<u>Phân chuẩn bị ở nhà:</u> - Nghiên cứu	A2.1

5	4.1 Giáo dục đạo đức ở Tiểu học 4.2 Các con đường cơ bản của giáo dục đạo đức cho học sinh tiểu học		tiểu học. 4.2; Phân tích, vận dụng giáo dục đạo đức cho học sinh trong môi trường giả định.	CLO6; CLO7	phương pháp tiếp sức. phương pháp hỏi đáp	cứu nội dung chương trình, sách giáo khoa môn Đạo đức. <u>Phần chuẩn bị trên lớp:</u> Bài tập: Cá nhân sinh viên làm việc độc lập, thiết kế hoạt động giáo dục đạo đức cho học sinh tiểu học.	
6	4.3 Phương pháp giáo dục đạo đức cho học sinh tiểu học	(02 LT)	4.3 Hiểu biết các phương pháp giáo dục đạo đức. Vận dụng các phương pháp giáo dục đạo đức cụ thể.	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5; CLO6; CLO7	Phương pháp hình mẫu; phương pháp phân tích, so sánh; phương pháp đóng vai; trò chơi; thảo luận	<u>Phần chuẩn bị ở nhà:</u> - Chuẩn bị câu chuyện kể về đạo đức.. - Chuẩn bị dụng cụ trực quan, tranh ảnh... <u>Phần chuẩn bị trên lớp::</u> - Bài tập: Trình bày phương	

						pháp giáo dục đạo đức cho học sinh; - Nhận xét, rút ra bài học kinh nghiệm trong dạy học.	
7	Chương 5: Phương pháp, phương tiện dạy học và hình thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trong dạy học môn Đạo đức ở tiểu học 5.1 Cơ sở lựa chọn phương pháp dạy học môn Đạo đức ở tiểu học 5.2 Các phương pháp dạy học môn Đạo đức ở tiểu học	(02 LT)	5.1 Hiểu biết được cơ sở lựa chọn phương pháp dạy học; 5.2 Phân tích được nội dung các phương pháp dạy học	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5; CLO6; CLO7	Phương pháp hình mẫu; phương pháp phân tích, so sánh; phương pháp đóng vai; trò chơi; thảo luận	<u>Phần chuẩn bị ở nhà:</u> - Tìm hiểu các phương pháp dạy học môn Đạo đức ở tiểu học. - Chuẩn bị dụng cụ trực quan, tranh ảnh... <u>Phần chuẩn bị trên lớp::</u> - Thuyết trình các phương pháp dạy học; - Nhận xét, rút ra bài học kinh nghiệm trong dạy học.	
8	5.2 Các	(02	5.2 Vận dụng	CLO1; CLO2;	- GV sử	<u>Phần chuẩn</u>	A2.1

	phương pháp dạy học môn Đạo đức ở tiểu học	LT)	được các phương pháp dạy học vào thực hành một bài học cụ thể .	CLO3; CLO4; CLO5; CLO6; CLO7	dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn - Phương pháp: thuyết trình nêu vấn đề, phương pháp nghiên cứu tài liệu; phương pháp sơ đồ mạng nhện.	<u>bị bài ở nhà:</u> - Nghiên cứu trước nội dung các phuwing pháp - Sách giáo khoa. <u>Phần chuẩn bị trên lớp:</u> - SV chia sẻ thông tin về các nội dung đã nghiên cứu. - Phân tích, lấy ví dụ minh họa về phương pháp dạy học môn Đạo đức.	
9	5.3 Sử dụng phương tiện dạy học môn Đạo đức ở tiểu học	(02 LT)	5.3 Hiểu biết, sử dụng được các phương tiện dạy học hiện đại;	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5; CLO6; CLO7	Phương pháp nghiên cứu tài liệu; phương pháp tổng hợp; so sánh; phương pháp tiếp sức. phương pháp hỏi đáp	Phần chuẩn bị ở nhà: - Một số phương tiện, dụng cụ dạy học môn Đạo đức. Phần chuẩn bị trên lớp: - Cá nhân sinh viên	

						làm việc độc lập, sử dụng phương tiện dạy học hiện đại.	
10	5.4 Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trong dạy học môn Đạo đức ở tiểu học	(02 LT)	5.2 Cập nhật được các văn bản hướng dẫn về kiểm tra đánh giá ở tiểu học.	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5; CLO6; CLO7	Phương pháp hình mẫu; phương pháp phân tích, so sánh; phương pháp trò chơi; đóng vai; thảo luận.	<u>Phần chuẩn bị ở nhà:</u> - Soạn bài dạy học gheo phân công hoặc tự chọn. - Chuẩn bị dụng cụ trực quan, tranh ảnh, tư liệu... <u>Phần chuẩn bị trên lớp::</u> - Chia sẻ thông tin nghiên cứu được về các Thông tư hướng dẫn kiểm tra, đánh giá ở tiểu học.	
11	5.4 Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trong dạy học môn Đạo đức ở	(02 LT)	5.4 Vận dụng được vào kiểm tra đánh giá môn Đạo đức ở tiểu học	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5; CLO6; CLO7	phương pháp phân tích, so sánh; phương pháp trò chơi;	<u>Phần chuẩn bị ở nhà:</u> - Soạn một số câu hỏi, đề kiểm tra.	

	tiểu học				đóng vai; thảo luận.	<u>Phần chuẩn bị trên lớp::</u> - Xây dựng đề đề kiểm tra.; - Nhận xét, rút ra bài học kinh nghiệm trong ra đề, đánh giá học sinh.	
12	5.5 Thực hành dạy học (Mẫu kế hoạch dạy học)	2 TH	5.5 Vận dụng lý thuyết vào dạy học	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5; CLO6; CLO7		<u>Phần chuẩn bị ở nhà:</u> - Soạn giáo án. <u>Phần chuẩn bị trên lớp::</u> - Thực hành dạy học - Nhận xét, rút ra bài học kinh nghiệm trong dạy học.	
13	5.5 Thực hành dạy học	2 TH	5.5 Vận dụng lý thuyết vào dạy học	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5; CLO6; CLO7		<u>Phần chuẩn bị ở nhà:</u> - Soạn giáo án. <u>Phần chuẩn bị trên lớp::</u> - Thực hành dạy học	

						- Nhận xét, rút ra bài học kinh nghiệm trong dạy học.	
14	5.5 Thực hành dạy học	2 TH	5.5 Vận dụng lý thuyết vào dạy học	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5; CLO6; CLO7		<u>Phần chuẩn bị ở nhà:</u> - Soạn giáo án. <u>Phần chuẩn bị trên lớp::</u> - Thực hành dạy học - Nhận xét, rút ra bài học kinh nghiệm trong dạy học.	A2.2
15	5.5 Thực hành dạy học	2 TH	5.5 Vận dụng lý thuyết vào dạy học	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5; CLO6; CLO7		<u>Phần chuẩn bị ở nhà:</u> - Soạn giáo án. <u>Phần chuẩn bị trên lớp::</u> - Thực hành dạy học - Nhận xét, rút ra bài học kinh nghiệm trong dạy học.	

Theo lịch thi	Kiểm tra cuối kì		- Ghi nhớ được nội hàm khái niệm phương pháp dạy học; biết được cách thức tổ chức lớp học, thiết kế bài giảng. - Phân tích, đánh giá được các phương pháp dạy học cụ thể trên hai góc độ ưu điểm, hạn chế. - Thiết kế được kế hoạch dạy học. - Có tổ chất, kĩ năng dạy học.	CL01 đến CLO7	Viết hoặc thực hành, vấn đáp, Tiểu luận	Nội dung thi bao trùm các chương đã học.	A3
---------------	------------------	--	---	---------------	---	--	----

7. Học liệu

Bảng 5. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/nơi ban hành VB
Giáo trình chính				
1	Lương Thị Lan Huệ	2020	Phương pháp giáo dục đạo đức ở tiểu học	Lưu hành nội bộ, Trường Đại học Quảng Bình.
2	Hà Nhật Thăng	2006	Đạo đức và phương pháp giáo dục đạo đức ở Tiểu học	NXB Giáo dục, HN
3	Hà Nhật Thăng	2001	Đạo đức và phương pháp giảng dạy	NXB Giáo dục
Sách, giáo trình tham khảo				
1	Nguyễn Nghĩa Dân	1998	Đổi mới phương pháp dạy học môn Đạo đức và Giáo dục công dân	NXB Giáo dục Việt Nam.
2	PGS.TS Nguyễn Hữu Hợp	2008	Giáo trình Đạo đức và Phương pháp dạy học môn Đạo đức ở Tiểu học	NXB Đại học Sư phạm Hà
3	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2010	<i>Sách giáo khoa Đạo đức lớp 1,2,3,4,5</i>	NXB Giáo dục, Hà Nội

8. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy

Bảng 6. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH	Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
----	------------------------------------	---	-------------------------------------

	TH	Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	Giảng đường A, C	Bảng, phấn, máy chiếu	12	Chương 1 đến chương 5

9. Rubric đánh giá

Rubric 1: Chuyên cần (Class Attendance)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Chuyên cần	Đi học < 40%	40% ≤ Đi học < 55%	55% ≤ Đi học < 70%	70% ≤ Đi học < 85%	Đi học ≥ 85%	60%
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động gì tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng góp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả.	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả.	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học thường hiệu quả.	Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả.	40%

Rubric 2: Bài tập (Work Assignment)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Nộp bài tập	Không nộp bài tập hoặc hoàn thành < 30% khối lượng công việc được giao	Nộp bài tập hoàn thành < 50% khối lượng công việc được giao. Chưa đúng thời gian quy định.	Nộp bài tập hoàn thành < 70% khối lượng công việc được giao. Một số bài tập nộp chưa đúng thời gian quy định.	Nộp bài tập hoàn thành < 90% khối lượng công việc được giao. Hầu hết bài tập nộp đúng thời gian quy định.	Nộp bài tập đầy đủ ≥ 90% số lượng được giao). Đúng thời gian quy định.	20%
Trình bày bài tập	Kém	Còn rất nhiều lỗi	Còn nhiều lỗi	Tương đối tốt	Rất tốt	30%
Nội dung bài tập	Không có bài tập	Nội dung bài tập không đầy đủ, một số không đúng theo yêu cầu nhiệm vụ.	Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với yêu cầu nhiệm vụ nhưng chưa hợp lý. Còn một số sai sót.	Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Nội dung đúng, rõ ràng.	Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Tính toán logic, chi tiết và rõ ràng, hoàn toàn hợp lý.	50%

Rubric 3: Thuyết trình (Oral Presentation)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Nội dung báo cáo	Không có nội dung hoặc nội dung không phù hợp với yêu cầu.	Nội dung chưa phù hợp với yêu cầu, hình ảnh và giải thích chưa rõ ràng.	Nội dung phù hợp với yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ chưa tốt. Hình ảnh minh họa, trình bày còn hạn chế.	Nội dung phù hợp với yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Hình ảnh minh họa, trình bày còn hạn chế.	Nội dung phù hợp với yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Hình ảnh minh họa rõ ràng, đẹp, phong phú.	50%
Trình	Slide trình bày	Slide trình bày	Slide trình bày với	Slide trình bày với bố	Slide trình bày với bố	25%

bày slide	quá sơ sài, không đủ số lượng theo quy định	với số lượng phù hợp, sử dụng từ ngữ và hình ảnh rõ ràng	bố cục logic, rõ ràng, gồm 3 phần	cục logic, rõ ràng, gồm 3 phần, thể hiện sự thành thạo trong trình bày	cục logic, rõ ràng, gồm 3 phần. Thuật ngữ sử dụng đơn giản dễ hiểu. Thể hiện sự thành thạo trong trình bày và ngôn ngữ.	
Thuyết trình	Trình bày không logic, vượt quá thời gian quy định. Sử dụng thuật ngữ không đúng, phát âm không rõ, giọng nói nhỏ. Người nghe không hiểu.	Bài trình bày đầy đủ. Giọng nói nhỏ, phát âm còn một số từ không rõ, sử dụng thuật ngữ phức tạp, chưa có tương tác với người nghe khi trình bày.	Phần trình bày có bố cục 3 phần rõ ràng. Giọng nói vừa phải, rõ ràng, dễ nghe, thời gian trình bày đúng quy định, tinh thần thoải mái có tương tác với người nghe. Người nghe có thể hiểu và kịp theo dõi nội dung trình bày.	Phần trình bày ngắn gọn, dễ hiểu. Sử dụng các thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Bố cục rõ ràng. Giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thời gian trình bày đúng quy định. Tương tác tốt với người nghe. Người nghe có thể hiểu được nội dung trình bày.	Phần trình bày ngắn gọn. Bố cục rõ ràng. Giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thu hút sự chú ý của người nghe, tương tác tốt với người nghe. Người nghe có thể hiểu và theo kịp tất cả nội dung trình bày. Thời gian trình bày đúng quy định.	25%

Đánh giá kiểm tra viết (Written Exam): Theo thang điểm 10 dựa trên đáp án thiết kế sẵn.

Quảng Trị, ngày 8 tháng 7 năm 2025

Trưởng khoa

**KT. Trưởng bộ môn
P. Trưởng bộ môn phụ trách**

Người biên soạn

TS. Vương Kim Thành

ThS. Lương Thị Lan Huệ

ThS Phan Thị Thu Hà